CÔNG TY TNHH MTV TM VÀ DV NGỌC THƠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày .... tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC VAY VỐN, BẢO LÃNH, MỞ THƯ TÍN DỤNG,... VÀ BẢO ĐẢM CẤP TÍN DỤNG TẠI VIETINBANK

CÔNG TY TNHH MTV TM VÀ DV NGỌC THƠM

- Trụ sở chính: 12/14/18 Đường số 49, KP7, P. Hiệp Bình Chánh, TP.Thủ Đức, TP.HCM, Việt Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309391503 do Sở KH&ĐT Tp.HCM cấp ngày 25/09/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 09/11/2021
- Ngành nghề SXKD: Bán buôn máy móc (ngành dệt), Bán buôn thực phẩm (thịt, sản phẩm từ thịt, sữa, đường, ngũ cốc, bánh kẹo)
- Chủ sở hữu công ty là **Bà Trần Thị Thơm** quyết định:

1. Thông qua kế hoạch phương án kinh doanh 12 tháng tới:
- Doanh thu: 180.000.000.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 500.000.000 đồng

2. Để thực hiện phương án kinh doanh 12 tháng tới, Công ty đồng ý vay vốn/bảo lãnh/mở LC,... tại Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Tây Sài Gòn, nội dung như sau với số tiền tối đa là **17.000.000.000 đồng**, trong đó:

) Tổng giới hạn tín dụng: **17,000,000,000 đồng**, trong đó:
(Bằng chữ: Mười bảy tỷ đồng chẵn./.)

+ GHTD ngắn hạn:
  - ✓ Giới hạn cho vay ngắn hạn: **17,000,000,000 đồng**.
  - ✓ Giới hạn bảo lãnh/ mở LC: **17,000,000,000 đồng**.

a) Hạn mức vay vốn:
+ Hạn mức vay vốn: 17,000,000,000 đồng
+ Mục đích: Thanh toán chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
+ Các nội dung khác: Theo quy định NHCT

3. Đồng ý việc sử dụng các tài sản dưới đây của Công ty để đảm bảo cho các nghĩa vụ trả nợ của Công ty đối với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn phát sinh từ các giao dịch cấp tín dụng nêu tại Mục 2 và các giao dịch khác giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn:

a) *Bất động sản đủ điều kiện làm bảo đảm tiền vay.*

b) Và/hoặc các tài sản khác đủ điều kiện làm bảo đảm theo quy định của NHCTVN.

4. Trong suốt quá trình quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn, Công ty bảo đảm, cam kết:

a) Thừa nhận nghĩa vụ trả nợ đối với mọi khoản tín dụng (khoản vay, bảo lãnh,...) phát sinh và hiện chưa thanh toán giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn trước thời điểm cuộc họp này cho dù các khoản tín dụng đó được thông qua, ký kết đúng hoặc không đúng thẩm quyền.

b) Đồng ý rằng, nếu Công ty vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại các Hợp đồng cấp tín dụng, Ngân hàng được toàn quyền đề nghị và thực hiện việc trích tiền từ tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán của Công ty tại bất kỳ Tổ chức tín dụng nào để thanh toán các khoản nợ tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn. Công ty tuyên bố miễn trừ mọi trách nhiệm, từ bỏ quyền khiếu nại, khiếu kiện đối với bất kỳ TCTD, cá nhân có liên quan khi thực hiện việc trích tiền từ tài khoản của Công ty theo đề nghị của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn.

5. Giám đốc Công ty tổ chức triển khai các nội dung Biên bản họp này. Người đại diện theo pháp luật của Công ty đại diện cho Công ty hoặc uỷ quyền cho người thứ ba đại diện cho Công ty ký kết các Hợp đồng cấp tín dụng, Hợp đồng bảo đảm và/hoặc mọi giấy tờ cần thiết, có liên quan giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn.

6. Công ty nhất trí phân công cho:
Giám đốc Công ty (theo giấy đăng ký doanh nghiệp số 0309391503 do Sở KH&ĐT Tp.HCM cấp ngày 25/09/2009 và các lần sửa đổi (nếu có) và/hoặc

Người được ủy quyền thứ 1:
- Ông Đặng Xuân Ngọc – Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty,

sẽ đại diện công ty lập các hồ sơ, giao dịch và ký kết các chứng từ, hợp đồng liên quan đến việc vay vốn, bảo lãnh, mở L/C và thế chấp/cầm cố tài sản tại NH TMCP Công Thương Việt Nam – CN Tây Sài Gòn, gồm nhưng không giới hạn bởi các chứng từ sau:

a) Các chứng từ liên quan đến việc vay vốn:
+ Giấy đề nghị cấp giới hạn tín dụng, đề nghị vay vốn, phương án vay vốn;
+ Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, ủy nhiệm chi, giấy lĩnh tiền và các chứng từ liên quan đến việc giải ngân;
+ Hợp đồng bảo lãnh và các chứng từ liên quan đến việc bảo lãnh, mở L/C.
+ Các chứng từ khác liên quan đến việc vay vốn, bảo lãnh, mở L/C.

b) Các chứng từ liên quan đến việc thế chấp tài sản:
+ Hợp đồng thế chấp/cầm cố, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp/cầm cố, biên bản định giá, đơn đăng ký giao dịch bảo đảm.
+ Các chứng từ khác liên quan đến việc thế chấp/cầm cố tài sản.

Trong phạm vi được ủy quyền **Ông Đặng Xuân Ngọc** được ủy quyền cho người khác để thực hiện nhiệm vụ này.

7. Trường hợp phát sinh việc Ngân hàng phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với bên thụ hưởng thì ngoài việc dùng tiền, tài sản của công ty để trả nợ cho ngân hàng, còn có thể dùng tiền, tài sản của cá nhân các thành viên trong công ty để trả nợ cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn.

8. Công Ty cam kết chuyển doanh thu về tài khoản của Công ty tại Ngân hàng TMCP CTVN – Chi nhánh Tây Sài Gòn tương ứng tỷ lệ cấp tín dụng tại các TCTD, tuy nhiên tổng doanh số tiền về không thấp hơn doanh số vay phát sinh tại Ngân hàng TMCP CTVN – CN Tây Sài Gòn.

Chủ sở hữu công ty
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM
TP. THỦ ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH

Trần Thị Thơm

CÔNG TY TNHH MTV TM VÀ DV NGỌC THƠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày .... tháng 07 năm 2025.

GIẤY ỦY QUYỀN

– *Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309391503 do Sở KH&ĐT Tp.HCM cấp ngày 25/09/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 09/11/2021;*

– *Căn cứ Điều lệ của Công ty;*

Tôi, Chủ sở hữu của **CÔNG TY TNHH MTV TM VÀ DV NGỌC THƠM** là:

– Bà : **Trần Thị Thơm**
CCCD số: 019178011295
Chức vụ: Chủ sở hữu Công ty
(với tư cách là **Người Ủy Quyền**)

Ủy quyền cho

Người được ủy quyền:

– Ông : **Đặng Xuân Ngọc**
CCCD số: 001077045239
Chức vụ: Phó Giám Đốc

(với tư cách là **Người được ủy quyền**)

thực hiện một số công việc theo nội dung ủy quyền dưới đây đã được Công ty thông qua như sau:

NỘI DUNG ỦY QUYỀN:

Người được ủy quyền được đại diện **CÔNG TY TNHH MTV TM VÀ DV NGỌC THƠM** thực hiện các Công việc sau:

1. Bên được ủy quyền được quyền nhân danh Bên ủy quyền xác lập và thực hiện quan hệ tín dụng (vay vốn, bảo lãnh và các hình thức cấp tín dụng khác) và thực hiện các biện pháp bảo đảm với Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam CN Tây Sài Gòn.
2. Bên được ủy quyền được quyền ký các chứng từ liên quan đến việc xác lập, thực hiện quan hệ tín dụng, bảo đảm tiền vay với Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh Tây Sài Gòn, gồm:
   - Các chứng từ liên quan đến việc vay vốn:
     + Giấy đề nghị cấp giới hạn tín dụng, đề nghị vay vốn, phương án vay vốn;
     + Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, ủy nhiệm chi, giấy lĩnh tiền và các chứng từ liên quan đến việc giải ngân;
     + Hợp đồng bảo lãnh, chiết khấu, đề nghị phát hành thư tín dụng (L/C) và các chứng từ liên quan đến việc bảo lãnh, chiết khấu;
     + Các chứng từ khác liên quan đến việc vay vốn, bảo lãnh, L/C, chiết khấu.
   - Các chứng từ liên quan đến việc thế chấp tài sản:
     + Hợp đồng thế chấp/cầm cố, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp/cầm cố, biên bản định giá, đơn đăng ký giao dịch bảo đảm.
     + Các chứng từ khác liên quan đến việc thế chấp/cầm cố tài sản.

3. Người được ủy quyền có trách nhiệm thực hiện công việc trong phạm vi ủy quyền, phù hợp với các quy định pháp luật và quy định của công ty.

THỜI HẠN ỦY QUYỀN

– Giấy ủy quyền này có hiệu lực từ ngày ký đến hết thời hạn duy trì giới hạn tín dụng do Vietinbank Tây Sài Gòn cấp, nhưng không thấp hơn 12 tháng kể từ ngày ký (bao gồm cả thời gian kéo dài giới hạn tín dụng).

Người Được Ủy Quyền	**Người Ủy Quyền**
Đặng Xuân Ngọc	**Trần Thị Thơm**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHO VAY HẠN MỨC
Số : 250332060/2025-HĐCVHM/NHCT923-CTY NGOCTHOM

HỢP ĐỒNG CHO VAY HẠN MỨC này ("**Hợp Đồng**") được lập tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-Chi nhánh Tây Sài Gòn ngày 09 tháng 07 năm 2025 giữa và bởi:

(A) NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH TÂY SÀI GÒN với tư cách là Bên Cho Vay
Giấy CNĐKDN: 0100111948-082 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp ngày 19/08/2009; đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 25/03/2019
Địa chỉ đăng ký: Lô 20 đường Song Hành, KCN Tân Tạo, P.Tân Tạo A, Q.Bình Tân, TP.HCM
Điện thoại/Fax: 028.3754.1275
Đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Văn Thọ - Chức vụ: Phó Giám Đốc CN
Căn cước công dân số: 027087007472 - Ngày cấp: 22/11/2022 - Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH
Theo văn bản ủy quyền số: 308/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT1 ngày 14/04/2025 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

(B) CÔNG TY TNHH MTV TM VÀ DV NGỌC THƠM với tư cách là Bên Vay
Giấy phép ĐKKD/Giấy chứng nhận ĐKKD số: 030 939 1503 - Ngày cấp: 25/09/2009 - Nơi cấp: Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh
Địa chỉ đăng ký: 12/14/18 Đường 49, KP 7, P. Hiệp Bình Chánh, TP. Thủ Đức, TP. HCM
Số điện thoại: 08 629 066 31
Đại diện hợp pháp: Ông/Bà: Trần Thị Thơm
Chức vụ: Giám Đốc
(Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 030 939 1503 do Sở KH&ĐT TP. HCM cấp và Biên bản họp hội đồng thành viên ngày .../../2025 của Bên Vay)

Bên Cho Vay và **Bên Vay** được gọi chung là "**Các Bên**" và gọi riêng là một "**Bên**".

Sau khi đã đàm phán và thoả thuận, Các Bên đồng ý giao kết **Hợp Đồng** này với nội dung và các điều khoản dưới đây:

ĐIỀU 1. PHƯƠNG THỨC, HẠN MỨC CHO VAY, CÁC KHOẢN NỢ

1.1 Phương Thức Cho Vay: Cho vay theo hạn mức

1.2 Hạn Mức Cho Vay

(a) Tuỳ thuộc vào các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này, Bên Cho Vay cam kết cho Bên Vay vay các khoản tiền bằng VND (mỗi khoản tiền được giải ngân và/hoặc Bên Vay nhận nợ được gọi là "**Khoản Nợ**") trong Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức với tổng mức dư nợ vay và số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay theo Hợp Đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá **17.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: **Mười bảy tỷ đồng**) ("**Hạn Mức Cho Vay**").

(b) Trường hợp Bên Vay rút vốn bằng nhiều loại tiền tệ khác nhau, số dư nợ gốc và số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay theo Hợp Đồng này sẽ được quy đổi trên danh nghĩa về một loại tiền tệ theo tỷ giá bán loại tiền tệ được quy đổi do Bên Cho Vay niêm yết tại bất kỳ thời điểm đề nghị giải ngân nhằm quản lý Hạn Mức Cho Vay.

(c) Hạn Mức Cho Vay bao gồm cả các khoản nợ và số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay được điều chỉnh bởi Hợp đồng cho vay hạn mức số 240332054/HĐCVHM -2024/NHCT923-CTYNGOCTHOM ngày 08/07/2024 ký giữa Bên Cho Vay với Bên Vay theo liệt kê chi tiết tại Phụ Lục I Hợp Đồng này. Trừ khi có thoả thuận khác, Các Bên thống nhất việc xử lý số dư nợ vay được liệt kê tại Phụ Lục I theo nguyên tắc sau:

(i) Ngày trả nợ gốc: Bên Vay có trách nhiệm trả nợ theo đúng ngày ghi trên Giấy Nhận Nợ và được cụ thể hoá tại Phụ Lục I.

(ii) Lãi suất cho vay của từng khoản nợ được xác định tại Phụ Lục I. Ngày điều chỉnh lãi suất cho vay là ngày một (1) (hoặc Ngày Làm Việc liền kề trước nếu ngày một (1) đó không phải là Ngày Làm Việc).

(iii) Lãi cộng dồn chưa thanh toán của toàn bộ dư nợ gốc sẽ được Bên Vay thanh toán theo quy định tại Hợp Đồng này.

(iv) Các nội dung khác sẽ được điều chỉnh theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp Đồng này.

1.3 Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức

Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức là kể từ ngày ...../...../..... đến hết ngày ...../...../.....

Hết Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức của Hợp Đồng này, Bên Cho Vay không có nghĩa vụ phải giải ngân bất kỳ Khoản Nợ nào, trừ việc giải ngân để thanh toán L/C có cam kết thanh toán bằng vốn vay theo Hợp Đồng này đến hạn thanh toán.

1.4 Mục Đích Sử Dụng

Các Khoản Nợ được Bên Vay sử dụng để **bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Bên Vay.**

1.5 Thời Hạn Cho Vay

Thời hạn cho vay của từng Khoản Nợ được tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Cho Vay giải ngân Khoản Nợ đến ngày Bên Vay phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi vay. Thời hạn cho vay của từng Khoản Nợ được ghi trên Giấy Nhận Nợ nhưng tối đa không quá **sáu (6) tháng.**

Giấy Nhận Nợ là một trong các bằng chứng pháp lý xác nhận Khoản Nợ đã được Bên Cho Vay giải ngân cho Bên Vay. Giấy Nhận Nợ được Bên Vay lập theo mẫu của Bên Cho Vay theo quy định tại khoản 4.2 của Hợp Đồng này.

ĐIỀU 2. LÃI VÀ PHÍ

2.1 Lãi Suất Cho Vay

Lãi suất cho vay trong Hợp Đồng này là Lãi suất điều chỉnh, được xác định và điều chỉnh theo các quy định dưới đây:

(a) Lãi suất cho vay trong hạn

Lãi suất cho vay trong hạn của Khoản Nợ là lãi suất được ghi trên từng Giấy Nhận Nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất theo nguyên tắc xác định như sau:

(i) Thời hạn điều chỉnh lãi suất, ngày xác định lãi suất, thông báo điều chỉnh lãi suất:

- Lãi suất cho vay được điều chỉnh một (1) tháng một lần ("**Thời Hạn Điều Chỉnh Lãi Suất**").
- Lãi suất cho vay của bất kỳ Khoản Nợ nào sẽ được xác định vào Ngày Giải Ngân Khoản Nợ đó và được điều chỉnh (xác định lại) vào ngày một (1) hàng tháng hoặc Ngày Làm Việc liền kề trước đó nếu ngày một (1) đó không phải là Ngày Làm Việc ("**Ngày Xác Định Lãi Suất**").
-

Sau Ngày Xác Định Lãi Suất, Bên Cho Vay sẽ gửi văn bản thông báo lãi suất và/hoặc Bên Cho Vay sẽ thông báo lãi suất thông qua các kênh điện tử/nền tảng công nghệ (như tin nhắn gửi qua số điện thoại/Email/Hệ thống Vietinbank Ipay, Vietinbank Efast...mà Bên Vay đã đăng ký tại Bên Cho Vay trước đó) cho Bên Vay nếu lãi suất cho vay có sự thay đổi so với lãi suất cho vay đang áp dụng. Các Bên thống nhất rằng Bên Cho Vay được quyền chủ động quyết định hình thức gửi thông báo lãi suất và văn bản thông báo lãi suất cho vay và/hoặc thông báo lãi suất qua các kênh điện tử/nền tảng công nghệ là bộ phận không thể tách rời của Hợp Đồng này. Kể từ Ngày Xác Định Lãi Suất, Bên Cho Vay được quyền áp dụng lãi suất được xác định ghi trong thông báo lãi suất đó (hoặc thông báo lãi suất trước đó) cho kỳ hạn tính lãi tương ứng mà không cần phải có sự đồng ý của Bên Vay, trừ khi Bên Vay có văn bản phản đối lãi suất được xác định sai nguyên tắc quy định dưới đây trong thời hạn ba (03) Ngày Làm Việc kể từ ngày Bên Cho Vay gửi thông báo đó. Trường hợp Bên Vay phản đối, lãi suất cho vay trong thông báo lãi suất sẽ được Bên Vay và Bên Cho Vay cùng xác định lại, nếu Bên Vay không cùng Bên Cho Vay xác định lại hoặc không chỉ rõ được việc Bên Cho Vay xác định sai thì lãi suất cho vay vẫn được áp dụng theo mức lãi suất trong thông báo xác định lãi suất mà Bên Cho Vay đã gửi cho Bên Vay.

(ii) Vào Ngày Xác Định Lãi Suất, lãi suất cho vay trong hạn được xác định như sau:

-

Lãi suất của khoản vay trong bất kỳ kỳ hạn tính lãi nào là lãi suất ngày và bằng tổng của lãi suất cơ sở cộng (+) Biên độ tối thiểu ba phẩy năm phần trăm một năm (3,5%/năm).

- Lãi suất cơ sở được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm thông thường trả lãi sau niêm yết tại Bên Cho Vay cộng (+) chi phí huy động vốn tăng thêm, trong đó:
  - Lãi suất cơ sở: Là lãi suất huy động tiết kiệm thông thường trả lãi sau của cùng loại tiền cho vay có kỳ hạn tương ứng với kỳ hạn vay vốn được niêm yết tại Bên Cho Vay. Trường hợp tại thời điểm thỏa thuận

hoặc xác định lãi suất cơ sở không có loại lãi suất huy động tiết kiệm thông thường trả lãi sau có kỳ hạn tương ứng với kỳ hạn của khoản vay thì áp dụng lãi suất huy động tiết kiệm trả lãi sau có kỳ hạn của kỳ hạn liền kề có lãi suất cao hơn trong biểu lãi suất huy động tiết kiệm thông thường trả lãi sau hiện hành của Bên Cho Vay.

- Chi phí huy động tăng thêm được Bên Cho Vay xác định trong trường hợp có sự kiện biến động thị trường. Sự kiện biến động thị trường được định nghĩa chi tiết tại tiết (v), điểm a), khoản 2.1, điều 2 bên dưới của Hợp Đồng này. Khi sự kiện biến động thị trường xảy ra Bên Cho Vay được quyền tính toán, áp dụng chi phí vốn huy động thực tế của Bên Cho Vay làm lãi suất cơ sở thay vì lãi suất huy động tiết kiệm niêm yết trong trường hợp Biến động thị trường và chỉ cần thông báo cho Bên Vay.
- Trong trường hợp tại Ngày Xác Định Lãi Suất, không có lãi suất huy động tiết kiệm để xác định lãi suất cơ sở thì Bên Cho Vay được quyền ấn định lãi suất cơ sở căn cứ vào chi phí huy động vốn của Bên Cho Vay.

- Điều chỉnh biên độ: Bên Cho Vay được quyền quyết định điều chỉnh tăng biên độ và thông báo cho Bên Vay để đảm bảo lợi ích của Bên Cho Vay trong các trường hợp sau:

- Bên Vay đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ hoặc miễn/giảm lãi;
- Khả năng trả nợ của Bên Vay suy giảm hoặc dự kiến suy giảm (bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp sau):

  Do hạng tín dụng của Bên Vay suy giảm/Bên Vay không duy trì được các chỉ số tài chính theo cam kết của Bên Cho Vay, xảy ra các biến động bất lợi trong môi trường/lĩnh vực kinh doanh tác động tiêu cực đến khả năng trả nợ của khách hàng (thiên tại, dịch bệnh, chiến tranh, môi trường kinh tế,...);
  - Bên Vay có nợ quá hạn;
  - Bên Vay không cung cấp đầy đủ. Kịp thời và trung thực các thông tin theo yêu cầu,...)
- Các thay đổi liên quan đến tài sản bảo đảm làm tăng rủi ro đối với khoản vay (bao gồm nhưng không giới hạn việc rút giảm tài sản bảo đảm, giảm giá trị tài sản bảo đảm,...).
- Việc Nhà nước thay đổi bất kỳ Luật hoặc Quy định nào và/hoặc việc tuân thủ bất kỳ Luật hoặc quy định nào được đưa ra sau ngày ký Hợp Đồng này (bao gồm nhưng không giới hạn các thay đổi liên quan đến pháp luật như Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước thay đổi tỷ lệ dự trữ bắt buộc/lãi suất dự trữ bắt buộc, hệ số an toàn vốn, hệ số tài sản có rủi ro, thay đổi phương pháp tính vốn yêu cầu cho các loại rủi ro trọng yếu,...) làm giảm lợi ích của Bên Cho Vay.

- Trường hợp Bên Vay không tuân thủ đúng cam kết về quy mô dòng tiền chuyển về tài khoản thanh toán của Bên Vay tại Bên Cho Vay theo điểm u khoản 7.2 Hợp Đồng này thì Bên Cho Vay được quyền điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn tại Ngày Xác Định Lãi Suất.

(iii) Bên Cho Vay có quyền chuyển giao, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền và/hoặc nghĩa vụ của mình phát sinh từ Hợp Đồng này và Hợp Đồng Bảo Đảm cho bên thứ ba mà không cần phải có sự chấp thuận của Bên Vay, ngoại trừ nghĩa vụ thông báo về việc chuyển giao, chuyển nhượng.

(iv)

Trường hợp lãi suất cho vay xác định theo quy định nêu trên thấp hơn mức sàn lãi suất cho vay kỳ hạn tương ứng của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ("**NHCTVN**") thì lãi suất cho vay được xác định bằng mức sàn lãi suất cho vay kỳ hạn tương ứng của NHCTVN tại Ngày Xác Định Lãi Suất được ghi trong thông báo điều chỉnh lãi suất.

(v) Trường hợp lãi suất cho vay xác định theo quy định nêu trên thấp hơn mức sàn lãi suất cho vay kỳ hạn tương ứng của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (**"NHCTVN"**) thì lãi suất cho vay được xác định bằng mức sàn lãi suất cho vay kỳ hạn tương ứng của NHCTVN tại Ngày Xác Định Lãi Suất được ghi trong thông báo điều chỉnh lãi suất.

(vi) Lãi suất cho vay tại thời điểm giao kết Hợp Đồng là **9%/năm** và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày giao kết Hợp Đồng.

(vii)

Lãi suất cho vay ưu đãi theo chương trình tín dụng:

Lãi suất cho vay của khoản vay là lãi suất được ghi trên từng Giấy Nhận Nợ.

- Vào Ngày giải ngân Khoản nợ hoặc Ngày xác định lãi suất, tùy thuộc vào việc Bên vay đáp ứng đầy đủ điều kiện của các chương trình tín dụng theo quy định của Bên Cho Vay và được Bên Cho Vay chấp thuận thì lãi suất cho vay của Khoản nợ sẽ được xác định theo chính sách của Chương trình tín dụng đó

và được ghi vào Giấy Nhận Nợ. Hết thời hạn áp dụng hoặc khi Bên Vay không đáp ứng được điều kiện của Chương Trình hoặc Bên Cho Vay chấm dứt chương trình tín dụng trước hạn thì lãi suất cho vay được xác định theo quy định tại Hợp đồng này. Trong đó, Ngày Xác định Lãi suất là ngày Bên Cho Vay chấm dứt áp dụng Chương trình tín dụng đối với Bên vay (trừ trường hợp theo thông báo riêng của Bên Cho Vay).

- Trường hợp Bên vay phát sinh nợ quá hạn từ Nợ nhóm 2, Nợ xấu tại Bên Cho Vay và/hoặc bị phát hiện sử dụng vốn sai mục đích, Bên Cho Vay chấm dứt ngay việc ưu đãi lãi suất đối với toàn bộ dư nợ của Bên vay tại tất cả các Chi nhánh trong hệ thống Bên Cho Vay kể từ ngày bị chuyển nhóm nợ và/hoặc bị phát hiện sử dụng vốn vay sai mục đích tại Bên Cho Vay.
    - Bên Cho Vay thu hồi ưu đãi lãi suất trong 2 trường hợp sau đây:Bên Vay sử dụng vốn sai mục đích: trường hợp xác định Bên Vay sử dụng vốn vay sai mục đích, Bên cho vay sẽ thực hiện thu hồi toàn bộ số tiền lãi đã ưu đãi đối với tất cả các khoản vay sử dụng vốn sai mục đích còn dư nợ. Phạm vi thu hồi: Toàn bộ phần chênh lệch giữa lãi suất cho vay thông thường và lãi suất cho vay ưu đãi kể từ ngày bắt đầu được áp dụng lãi suất ưu đãi đến ngày bị phát hiện sử dụng vốn sai mục đích.
    - Bên Vay trả nợ trước hạn: Trường hợp Bên Vay trả nợ trước hạn, Bên vay thực hiện thu hồi ưu đãi lãi suất theo quy định tại từng chương trình/chính sách cụ thể.

(viii) Sự kiện biến động thị trường: Khi xảy ra biến động thị trường, Bên Cho Vay áp dụng phương thức xác định lãi suất cho vay mới (bao gồn lãi suất cơ sở và biên độ mới) và sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên Vay biết lãi suất cho vay mới trước khi áp dụng. Thông báo này là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng này. Biến động thị trường là khi xảy ra một trang các trường hợp sau:

- Tại Ngày Xác Định Lãi Suất không có giá trị lãi suất cơ sở hoặc giá trị lãi suất cơ sở bằng 0 hoặc âm; hoặc Cơ quan quản lý/cơ quan có thẩm quyền/đại diện của các cơ quan này tuyên báo công khai rằng loại lãi suất cơ sở tại Hợp đồng này không còn tin cậy/không còn mang tính đại diện; hoặc
- Việc sửa đổi/bổ sung/thay thế hoặc đưa ra/thay đổi trong cách diễn giải, thi hành hoặc áp dụng của bất kỳ luật/quy định nào hoặc thay đổi của chính sách tiền tệ, chính sách điều hành lãi suất sau ngày ký Hợp đồng này hoặc các nguyên nhân khác trực tiếp/gián tiếp khiến chi phí huy động vốn thực tế của Bên Cho Vay vượt quá giá trị lãi suất cơ sở đang áp dụng tại Hợp đồng này và/hoặc ảnh hưởng tới khả năng giải ngân vốn cho vay của Bên Cho Vay.

(b) Lãi suất đối với dư nợ gốc bị quá hạn

Trường hợp số dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn theo quy định tại điểm b khoản 3.6 Điều 3 và khoản 8.2 Điều 8 của Hợp Đồng này thì Bên Vay phải trả lãi trên số dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn như thoả thuận tại điểm a khoản 2.1 Điều 2 của Hợp Đồng này tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

(c) Lãi suất chậm trả lãi

Trường hợp Bên Vay không trả đầy đủ và đúng hạn bất kỳ khoản tiền lãi nào theo Hợp Đồng này (bao gồm trường hợp Bên Vay được Bên Cho Vay chấp thuận cho cơ cấu lại thời han trả nợ theo điểm (a) Điều 3.6 Hợp Đồng này) thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất bằng 10%/năm) tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2.2 Cơ Sở Tính Lãi, Phương Pháp Tính Lãi

(a) Tiền lãi của Khoản Nợ được tính theo lãi suất năm, trên cơ sở một năm có 365 ngày.

(b) Thời hạn tính lãi được tính từ ngày giải ngân đến hết ngày liền kề trước ngày thanh toán hết khoản vay *(tính ngày đầu, bỏ ngày cuối)* và thời điểm xác định số dư để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi.

(c) Số tiền lãi vay trong hạn bằng (=)∑(dư nợ gốc trong hạn thực tế nhân (x) lãi suất cho vay trong hạn nhân (x) số ngày vay thực tế)/365.

(d) Số tiền lãi đối với dư gốc bị quá hạn bằng (=)∑(dư nợ gốc thực tế bị chuyển nợ quá hạn nhân (x) lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn nhân (x) số ngày quá hạn)/365.

(e) Số tiền lãi chậm trả lãi bằng (=)∑(số tiền lãi chậm trả nhân (x) lãi suất chậm trả lãi nhân (x) số ngày chậm trả lãi thực tế)/365.

2.3 Phí

Bên Vay sẽ thanh toán cho Bên Cho Vay các loại phí như sau:

(a) Phí trả nợ trước hạn:

- **Trường hợp nguồn tiền trả nợ trước hạn là từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên Vay:** Khi Bên Vay trả nợ trước hạn bất kỳ một Khoản Nợ nào, Bên Vay sẽ phải thanh toán cho Bên Cho Vay một khoản phí trả nợ trước hạn theo quy định của Bên Cho vay trong từng thời kỳ. Tại thời điểm ký Hợp Đồng này, tỷ lệ phí bằng 0% trên số tiền trả nợ trước hạn; Bên Vay phải thanh toán phí cùng việc trả nợ gốc trước hạn;
- **Trường hợp nguồn tiền trả nợ trước hạn không từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên Vay:** Khi Bên Vay trả nợ trước hạn bất kỳ một Khoản Nợ nào, Bên Vay sẽ phải thanh toán cho Bên Cho Vay một khoản phí trả nợ trước hạn bằng tỷ lệ phạt trả nợ trước hạn nhân với số tiền trả nợ trước hạn; Bên Vay phải thanh toán phí cùng việc trả nợ gốc trước hạn;

Phí trả nợ trước hạn = Tỷ lệ phí trả nợ trước hạn (%) x Số tiền gốc trả nợ trước hạn

Thời điểm trả nợ	Tỷ lệ phạt trả nợ trước hạn
Thời hạn vay đã qua < 1/3 thời hạn tài khoản vay	5,0%
1/3 Thời hạn tài khoản vay ≤ Thời hạn vay đã qua <2/3 Thời hạn tài khoản vay	3,0%
Thời hạn tài khoản vay đã qua ≥ 2/3 Thời hạn tài khoản vay	2,0%

Trong đó:

- Thời hạn tài khoản vay = Ngày đáo hạn cuối cùng theo hợp đồng – Ngày giải ngân đầu tiên.
- Thời hạn vay đã qua = Ngày trả nợ – Ngày giải ngân đầu tiên

(b) Phí cam kết rút vốn:

Phí cam kết rút vốn = (Số tiền tính phí x Số ngày tính phí x Tỷ lệ phí)/365

Số tiền tính phí: Hạn mức cho vay trong thời gian duy trì hạn mức

Số ngày tính phí: Số ngày từ thời thời điểm Hợp đồng cho vay có hiệu lực tới ngày giải ngân đầu tiên của Hợp đồng cho vay tương ứng.

Tỷ lệ phí: Theo biểu phí từng thời kỳ của Bên Cho Vay. Tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng, mức phí đang áp dụng là 0% đối với cho vay VNĐ; và

(c) Phí vi phạm cam kết rút vốn:

Phạt vi phạm cam kết rút vốn = Số tiền tính phạt * Tỷ lệ phạt

Số tiền tính phạt: Chênh lệch dương giữa số tiền khách hàng cam kết rút vốn tối thiểu với tổng doanh số khách hàng đã thực hiện rút vốn tính tới ngày cuối cùng của thời gian duy trì hạn mức.

Tỷ lệ phạt: Theo biểu phí từng thời kỳ của Bên Cho Vay. Tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng, mức phí đang áp dụng là 0% đối với cho vay VNĐ; và

(d) Các loại phí khác theo quy định của NHCTVN tại từng thời điểm và phù hợp với pháp luật.

ĐIỀU 3. THANH TOÁN NỢ LÃI, GỐC VÀ PHÍ

3.1 Thanh Toán Lãi

(a) Lãi vay trong hạn sẽ được trả định kỳ một (01) tháng một lần vào ngày mười (10) hàng tháng. Ngày thanh toán lãi cuối cùng của mỗi Khoản Nợ là ngày thanh toán hết Khoản Nợ đó. Trường hợp ngày mười (10) hàng tháng không phải là Ngày Làm Việc thì Bên Vay được quyền thanh toán vào Ngày Làm Việc liền kề sau đó ("**Ngày Thanh Toán Lãi**").

Ngày Làm Việc được hiểu là bất kỳ ngày nào trừ: (i) ngày thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ tại Việt Nam; (ii) bất kỳ ngày nào mà vào ngày đó các ngân hàng tại Việt Nam được phép giao dịch hoặc được phép không giao dịch theo quy định của các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

(b) Bên Vay có nghĩa vụ thanh toán lãi đối với dư nợ gốc bị quá hạn, lãi chậm trả lãi (nếu có) và Bên Cho Vay có quyền thu lãi đối với dư nợ gốc bị quá hạn, lãi chậm trả lãi (i) ngay khi phát sinh và/hoặc (ii) theo thông báo của Bên Cho Vay và/hoặc (iii) vào Ngày Thanh Toán Lãi nêu tại điểm a khoản 3.1 Điều 3 của Hợp Đồng này.

3.2 Thanh Toán Nợ Gốc

(a) Bên Vay đồng ý thanh toán Khoản Nợ vào ngày trả nợ được ghi trên Giấy Nhận Nợ hoặc thời điểm khác theo sự thoả thuận bằng văn bản giữa Các Bên hoặc theo thông báo lịch trả nợ do Bên Cho Vay gửi Bên Vay.

Trường hợp ngày thanh toán nợ gốc không phải là Ngày Làm Việc thì Bên Vay được quyền thanh toán vào Ngày Làm Việc liền kề sau đó.

(b) Bên Vay được quyền trả một phần hoặc toàn bộ Khoản Nợ trước hạn với điều kiện phải thanh toán các khoản phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo quy định của Bên Cho Vay.

3.3 Thanh Toán Phí

Các khoản phí (nếu có) sẽ được Bên Vay thanh toán cho Bên Cho Vay theo thỏa thuận tại Khoản 2.3 Điều 2 Hợp Đồng này và/hoặc ngay khi phát sinh phí.

3.4 Thứ Tự Ưu Tiên Thanh Toán

(a) Nếu Bên Cho Vay nhận được bất kỳ khoản tiền nào mà không đủ để thanh toán mọi nghĩa vụ (trừ trường hợp theo quy định của điểm b khoản 3.4 Điều 3 Hợp Đồng này) thì Bên Cho Vay có quyền sử dụng khoản tiền đó để thanh toán các nghĩa vụ theo thứ tự sau: (i) phí (nếu có); (ii) các khoản phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại (nếu có) (iii) lãi vay đến hạn; và (iv) các khoản nợ gốc đến hạn.

(b) Trường hợp Khoản Nợ bị quá hạn trả nợ thứ tự ưu tiên thanh toán thực hiện theo quy định của pháp luật.

3.5 Đồng Tiền Sử Dụng

Đồng tiền sử dụng để trả nợ theo Hợp Đồng này tương ứng với đồng tiền Bên Vay nhận nợ của Khoản Nợ được ghi trên từng Giấy Nhận Nợ. Trường hợp đồng tiền trả nợ khác với đồng tiền nhận nợ thì Bên Cho Vay được toàn quyền thực hiện việc quy đổi sang đồng tiền nhận nợ theo tỷ giá do Bên Cho Vay xác định tại thời điểm quy đổi và Bên Cho Vay được quyền thu các loại phí liên quan khi thực hiện quy đổi tiền tệ theo quy định của Bên Cho Vay mà không cần phải có thêm bất cứ một hợp đồng/thỏa thuận mua bán ngoại tệ nào giữa Các Bên.

3.6 Cơ Cấu Lại Thời Hạn Trả Nợ, Nợ Quá Hạn

(a) Trong trường hợp Bên Vay yêu cầu cơ cấu lại thời hạn trả nợ, Bên Vay phải gửi văn bản yêu cầu đến Bên Cho Vay chậm nhất mười (10) Ngày Làm Việc trước ngày đến hạn thanh toán nợ gốc, Ngày Thanh Toán Lãi đối với nợ gốc, lãi của Khoản Nợ yêu cầu cơ cấu lại thời hạn trả nợ, trong đó nêu rõ lý do yêu cầu cơ cấu, lịch trả nợ mới và hồ sơ theo yêu cầu của Bên Cho Vay. Trong thời hạn mười (10) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ, Bên Cho Vay phải thông báo cho Bên Vay về việc đồng ý hoặc không đồng ý cho Bên Vay cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Trong trường hợp được Bên Cho Vay chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ, các bên thực hiện ký văn bản sửa đổi Hợp Đồng này.

(b) Bên Cho Vay chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà Bên Vay không trả đầy đủ và đúng hạn theo thoả thuận tại Hợp Đồng này và/hoặc Giấy Nhận Nợ và không có đủ số dư trên tài khoản để Bên Cho Vay chủ động thu nợ hoặc đã đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ mà không được Bên Cho Vay chấp thuận. Bên Cho Vay thông báo cho Bên Vay về việc số dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn.

ĐIỀU 4. CÁC QUY ĐỊNH GIẢI NGÂN

4.1 Điều Kiện Tiên Quyết

Bên Cho Vay chỉ giải ngân Khoản Nợ nếu các điều kiện dưới đây được đáp ứng hoặc được Bên Cho Vay miễn trừ:

(a) Bên Vay đề nghị giải ngân trong Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức và/hoặc khi Bên Vay phải nhận nợ để thanh toán L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay theo Hợp Đồng này sau Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức.

(b) Các biện pháp bảo đảm theo yêu cầu của Bên Cho Vay đã được Bên Vay đáp ứng.

(c) Vào hoặc trước ngày giải ngân Khoản Nợ đầu tiên, Bên Vay chuyển giao cho Bên Cho Vay các văn bản của cấp có thẩm quyền của Bên Vay (nếu theo quy định tại Điều lệ hoặc theo quy định của pháp luật phải có) phê duyệt việc vay vốn, thế chấp/cầm cố tài sản:

- Bản chính Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên/Chủ sở hữu/Hội đồng quản trị về việc quyết định vay vốn; phê duyệt Hợp Đồng này.
- Bản chính Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên/Chủ sở hữu/Hội đồng quản trị về việc quyết định thế chấp/cầm cố tài sản; phê duyệt Hợp Đồng Bảo Đảm.

(d) Bên Vay đã mở tại Bên Cho Vay (các) tài khoản bằng Việt Nam Đồng (VND) ("**Tài Khoản**") và thực hiện việc thanh toán thông qua (các) Tài Khoản mở tại Bên Cho Vay.

(e) Vào hoặc trước ngày giải ngân Khoản Nợ đầu tiên, Bên Vay phải lập văn bản do người đại diện theo pháp luật của Bên Vay ký và gửi cho Bên Cho Vay có nội dung: (i) những người có thẩm quyền ký Giấy Nhận Nợ; và (ii) mẫu chữ ký của những người có thẩm quyền ký Giấy Nhận Nợ. Bên Vay phải thông báo bằng văn bản cho Bên Cho Vay trong trường hợp có sự thay đổi về người có thẩm quyền ký Giấy Nhận Nợ

(f) Kể từ Ngày Ký Hợp Đồng, không xảy ra bất kỳ sự kiện, sự việc, hành vi, điều kiện, văn bản hoặc thay đổi nào theo đánh giá của Bên Cho Vay có ảnh hưởng bất lợi đáng kể tới việc kinh doanh, tình hình tài chính, tài sản, khả năng thanh toán, khả năng thực hiện Phương Án, khả năng thực hiện Hợp Đồng của Bên Vay.

Các điều khoản, điều kiện khác tại Hợp Đồng này và yêu cầu của Bên Cho Vay đã và đang được Bên Vay tuân thủ, thực hiện.

4.2 Giải Ngân Vốn Vay

(a) Khi giải ngân bất kỳ Khoản Nợ nào, Bên Vay phải lập, ký ba (03) Giấy Nhận Nợ và gửi kèm theo các tài liệu theo yêu cầu của Bên Cho Vay để chứng minh mục đích sử dụng vốn vay. Trường hợp Bên Vay không lập, ký Giấy Nhận Nợ để thanh toán L/C (nếu có) thì Bên Cho Vay lập và gửi thông báo nhận nợ cho Bên Vay.

(b) Bên Cho Vay giải ngân Khoản Nợ bằng phương thức:

(i) Chuyển trực tiếp vào tài khoản thanh toán của bên thụ hưởng tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (ví dụ như nhà cung cấp, nhà thầu, nhà tư vấn,...);

(ii) Chuyển tiền mặt hoặc chuyển vào tài khoản thanh toán của Bên Vay, trong trường hợp Bên Vay có nhu cầu vay để thanh toán các chi phí khác được Bên Cho Vay chấp thuận và không trái pháp luật.

(c) Ngay sau khi chuyển tiền giải ngân/rút Khoản Nợ, Bên Cho Vay được quyền hạch toán Khoản Nợ và tính lãi trên Khoản Nợ đó từ thời điểm chuyển tiền giải ngân, rút tiền đó.

4.3 Trường hợp Bên Cho Vay tiếp nhận Giấy nhận nợ và chứng từ giải ngân của Bên Vay gửi dưới dạng thông điệp dữ liệu qua kênh eFAST/ERP

(a) Đề Nghị Thực Hiện Bảo Lãnh được Bên Được Bảo Lãnh gửi cho Bên Bảo Lãnh qua eFAST/ERP-Connect có giá trị pháp lý và giá trị làm hồ sơ tài liệu để Bên Bảo Lãnh thực hiện phát hành Cam Kết Bảo Lãnh cho Bên Được Bảo Lãnh và giá trị làm chứng cứ trong quá trình thực hiện hợp đồng này. Đề nghị phát hành Bảo Lãnh được ký bằng chữ ký số cá nhân của người đại diện hợp pháp gắn với thông tin của Bên Đề nghị Bảo Lãnh hoặc chữ ký số tổ chức của Bên Đề nghị Bảo Lãnh đã được đăng ký tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam còn hiệu lực, hợp lệ được gửi qua kênh eFAST/Kết nối ERP là bằng chứng thực hiện CKBL Bên Được Bảo Lãnh với Bên Bảo Lãnh theo Hợp Đồng này

(b) Đối với các chứng từ Bảo Lãnh là thông điệp dữ liệu ký bằng chữ ký số cá nhân của người đại diện hợp pháp gắn với thông tin của Bên Được Bảo Lãnh hoặc chữ ký số tổ chức của Bên Được Bảo Lãnh gửi qua kênh eFAST/Kết nối ERP: Chứng từ Bảo Lãnh dưới dạng thông điệp dữ liệu do Bên Được Bảo Lãnh gửi qua kênh eFAST/Kết nối ERP được Bên Bảo Lãnh tiếp nhận và xử lý là bản có giá trị pháp lý và giá trị làm hồ sơ tài liệu để Bên Bảo Lãnh xem xét thực hiện giao dịch bảo lãnh và giải quyết các tranh chấp phát sinh.

(c) Đối với các chứng từ bảo lãnh là bản scan gửi qua kênh eFAST/Kết nối ERP:

- Chứng từ bảo lãnh bản scan phải là bản scan màu, không bị mất, nhòe, mờ và nhìn thấy được đầy đủ thông tin để thực hiện giao dịch, thông tin phải toàn vẹn, không có dấu vết tẩy xóa.
- Định kỳ kiểm tra giám sát sau cấp tín dụng, Bên Bảo Lãnh thực hiện kiểm tra, đối chiếu chọn mẫu **bản scan** Hồ sơ bảo lãnh (đã gửi qua eFAST/ERP-Connect) của các khoản bảo lãnh online trong kỳ với **bản gốc** Hồ sơ bảo lãnh của Bên Được Bảo Lãnh. Trường hợp Bên Được Bảo Lãnh không hoàn trả đầy đủ chứng từ bảo lãnh bản gốc cho Bên Bảo Lãnh đúng thời hạn theo quy định tại Hợp Đồng này hoặc chứng từ bảo lãnh bản gốc có nội dung không đúng với bản scan đã gửi thì chứng từ bảo lãnh bản scan là chứng từ duy nhất có giá trị thực hiện giữa Các Bên. Mọi rủi ro, thiệt hại phát sinh từ việc sai sót này sẽ do Bên Được Bảo Lãnh chịu trách nhiệm.
- Các thông tin trên chứng từ bảo lãnh bản scan do Bên Được Bảo Lãnh gửi qua kênh eFAST/Kết nối ERP được Bên Bảo Lãnh tiếp nhận và xử lý có giá trị giá trị pháp lý và có giá trị làm chứng từ, chứng cứ để Bên Bảo Lãnh xem xét thực hiện bảo lãnh và giải quyết các tranh chấp phát sinh.

(d) Bên Được Bảo Lãnh chịu trách nhiệm về mọi rủi ro phát sinh trong quá trình bảo lãnh thông qua tiếp nhận Giấy Đề Nghị Phát Hành Bảo Lãnh và chứng từ bảo lãnh của Bên Được Bảo Lãnh gửi dưới dạng thông điệp dữ liệu qua kênh eFAST/Kết nối ERP từ Bên Được Bảo Lãnh. Trường hợp xảy ra các rủi ro và thiệt hại cho Bên Bảo Lãnh, Bên Được Bảo Lãnh cam kết bồi hoàn đầy đủ mọi tổn thất và chi phí (bao gồm nhưng không giới hạn bởi các chi phí khiếu nại, kiện cáo, các chi phí pháp lý và các nghĩa vụ tài chính khác) phát sinh từ việc Bên Bảo Lãnh thực hiện theo Giấy đề nghị phát hành Bảo Lãnh do Bên Được Bảo Lãnh cung cấp.

ĐIỀU 5. BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM

Nghĩa vụ trả nợ gốc, thanh toán lãi, phí, các nghĩa vụ tài chính khác của Bên Vay phát sinh theo Hợp Đồng này được bảo đảm bởi các tài sản với hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm theo các cam kết bảo lãnh/Hợp đồng bảo đảm mà Bên Vay và/hoặc tổ chức/cá nhân khác giao kết với Bên Cho Vay và/hoặc các biện pháp bảo đảm khác (“**Hợp Đồng Bảo Đảm**”) được xác lập trước và/hoặc cùng và/hoặc được xác lập sau thời điểm giao kết Hợp Đồng này có quy định hoặc dẫn chiếu nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm cả nghĩa vụ phát sinh từ Hợp Đồng này hoặc dẫn chiếu đến toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Bên Vay với Bên Cho Vay.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN CHO VAY

6.1 Quyền của Bên Cho Vay

(a) Yêu cầu Bên Vay cung cấp kịp thời, chính xác, đầy đủ các tài liệu, thông tin liên quan đến Khoản Nợ, tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, những thay đổi về cơ cấu tổ chức bộ máy, vốn, tài sản, điều lệ, đăng ký kinh doanh, địa điểm sản xuất kinh doanh, việc đổi mới sắp xếp lại hoạt động kinh doanh của Bên vay và các thông tin khác theo quy định của Hợp Đồng này trước và trong suốt quá trình vay vốn.

(b) Kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của Bên Vay.

(c) Chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn các Khoản Nợ theo thỏa thuận tại Điều 8 Hợp Đồng này.

(d) Trường hợp Bên Cho Vay chủ động trích (ghi Nợ) tài khoản của Bên Vay để thu nợ thì có quyền sử dụng tiền trên tài khoản để quy đổi sang đồng tiền phải trả nợ theo tỷ giá do Bên Cho Vay quyết định tại thời điểm quy đổi tiền tệ.

(e) Thu nợ trước hạn trong trường hợp Bên Vay thu được tiền bán hàng hình thành từ vốn vay của Bên Cho Vay trước khi Khoản Nợ đến hạn

(f) Chủ động trích tiền từ Tài Khoản để thu nợ gốc, lãi khi quá hạn, đến hạn và/hoặc thu nợ trước hạn và/hoặc thu các nghĩa vụ tài chính khác của Bên Vay với Bên Cho Vay theo quy định của Hợp Đồng này.

(g) Bên Cho Vay được chủ động thu phí trả nợ trước hạn nếu dòng tiền trả nợ không phải doanh thu từ hoạt động kinh doanh hoặc từ nguồn tái tài trợ của (các) Định Chế Tài Chính khác. Mức phí phạt trả nợ trước hạn được tính theo quy định tại điểm (a), khoản 2.3, Điều 2 của Hợp Đồng này.

(h) Tạm khóa tài khoản: Bên Cho Vay có quyền tạm khóa một phần hoặc toàn bộ số tiền trên bất kỳ Tài Khoản của Bên Vay, bao gồm số tiền hiện có trên Tài Khoản và/hoặc số tiền có trên Tài Khoản trong thời gian tạm khóa để phục vụ việc thu nợ gốc; lãi, phí, nghĩa vụ tài chính khác của Bên Vay theo các nội dung được quy định tại Hợp Đồng này.

(i) Các quyền khác theo quy định của Hợp Đồng này và pháp luật.

6.2 Nghĩa vụ của Bên Cho Vay

(a) Cung ứng vốn vay theo thoả thuận tại Hợp Đồng này.

(b) Sử dụng các thông tin do Bên Vay cung cấp đúng mục đích, theo quy định tại Hợp Đồng này và pháp luật.

(c) Bên Cho Vay có quyền dừng giải ngân thông qua tiếp nhận Giấy nhận nợ và chứng từ giải ngân của Bên Vay gửi dưới dạng thông điệp dữ liệu qua kênh eFAST/ERP từ Bên Vay trong trường hợp: (i) Bên vay không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ chứng từ bản gốc và/hoặc chứng từ bản gốc khách hàng cung cấp không khớp với nội dung chứng từ bản scan đã được Khách hàng chuyển qua eFAST/ERP để làm cơ sở giải ngân và theo hướng bất lợi cho Bên Cho vay; (ii) Bên Vay vi phạm thời hạn cung cấp chứng từ bản gốc từ 3 lần liên tiếp trở lên/kỳ kiểm tra mà thời gian quá hạn (kể từ ngày liền kề sau ngày kết thúc thời hạn cung cấp chứng từ bản gốc được quy định trong hợp đồng ký với Bên Vay/thỏa thuận khác với Bên Vay) mỗi lần từ 05 ngày làm việc trở lên; Bên Vay không đáp ứng các điều kiện cấp tín dụng/giải ngân thông qua tiếp nhận Giấy nhận nợ và chứng từ giải ngân của Bên Vay gửi dưới dạng thông điệp dữ liệu qua kênh eFAST/ERP từ Bên Vay theo các quy định hiện hành của Bên Cho Vay; (iii) Bên Vay phát sinh nợ quá hạn/có dư nợ bị phân loại nợ từ nhóm 2 trở lên tại các Tổ chức tín dụng (trừ trường hợp chuyển nhóm nợ do lỗi tác nghiệp)/vi phạm các nghĩa vụ cam kết với Bên Cho vay.

(d) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp Đồng này và pháp luật.

ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN VAY

7.1 Quyền của Bên Vay

(a) Được nhận tiền vay theo các điều kiện thỏa thuận trong Hợp Đồng này.

(b) Từ chối các yêu cầu của Bên Cho Vay không đúng các thỏa thuận trong Hợp đồng này.

(c) Các quyền khác theo quy định tại Hợp Đồng này và pháp luật.

7.2 Nghĩa vụ của Bên Vay

(a) Cam đoan và bảo đảm về việc đã tìm hiểu các thông tin do Bên Cho Vay cung cấp trước khi xác lập Hợp Đồng này bao gồm: Lãi suất cho vay; nguyên tắc và các yếu tố xác định, thời điểm xác định lãi suất cho vay; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; phương pháp tính lãi tiền vay; các loại phí và mức phí...và các thông tin khác liên quan đến các Khoản Vay.

(b) Cam đoan và bảo đảm đã hoàn tất các thủ tục nội bộ và thủ tục khác để được phép giao kết, thực hiện Hợp Đồng này.

(c) Sử dụng Khoản Nợ đúng mục đích và dùng toàn bộ nguồn thu để trả nợ và thanh toán gốc, lãi vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) đầy đủ và đúng hạn theo thoả thuận tại Hợp Đồng này.

(d) Cung cấp cho Bên Cho Vay kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu, chứng từ: **(i)** liên quan tới tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh (bao gồm nhưng không giới hạn bởi: Báo cáo tài chính nộp cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và/hoặc Báo cáo tài chính đã kiểm toán đối với trường hợp Bên Vay phải lập báo cáo tài chính theo quy định pháp luật, ..) và các thông tin khác theo yêu cầu của Bên Cho Vay và/hoặc ngay khi xảy ra sự kiện quan trọng ảnh hưởng trực tiếp tới tình hình kinh doanh của Bên Vay (như thay đổi nhân sự chủ chốt, thay đổi cơ cấu sở hữu vốn, thay đổi tài sản....) và; **(ii)** theo quy định của Bên Cho Vay nhằm phục vụ cho việc xem xét quyết định phương thức giải ngân vốn cho vay theo quy định, cũng như các thông tin, tài liệu khác theo quy định/yêu cầu của Bên Cho Vay trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật. Bên Vay chịu trách nhiệm trước pháp luật về về tính chính xác, trung thực của tất cả các thông tin, tài liệu và chứng từ cung cấp cho Bên Cho Vay;

(e) Không thế chấp, cầm cố, chuyển nhượng, chuyển giao, tặng cho, góp vốn tài sản được hình thành từ một phần hoặc toàn bộ vốn vay (bao gồm cả quyền tài sản, lợi ích có được từ việc định đoạt các tài sản đó) và không cầm cố, thế chấp, chuyển nhượng, chuyển giao, tặng cho, góp vốn các khoản phải thu được hình thành từ một phần hoặc toàn bộ vốn vay theo Hợp Đồng này cho bất kỳ tổ chức/cá nhân khác ngoài Bên Cho Vay, trừ trường hợp Bên Cho Vay đồng ý bằng văn bản.

(f) Bên Vay có nghĩa vụ bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm khác hoặc biện pháp bảo đảm khác theo yêu cầu của Bên Cho Vay trong các trường hợp: (i) giá trị tài sản bảo đảm theo Hợp Đồng Bảo Đảm bị suy giảm giá trị; (ii) tài sản bảo đảm không còn hoặc bị thất lạc, bị kê biên, phong tỏa, bị thu hồi và/hoặc (iii) Hợp Đồng Bảo Đảm bị chấm dứt (trừ trường hợp theo thỏa thuận của các bên trong Hợp Đồng Bảo Đảm), bị tuyên bố vô hiệu và/hoặc (iv) bên bảo lãnh suy giảm khả năng tài chính theo đánh giá của Bên Cho Vay và/hoặc (v) văn bản bảo lãnh chấm dứt, vô hiệu, không thể thực hiện được.

(g) Chấp thuận và tạo điều kiện thuận lợi để Bên Cho Vay theo dõi, kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Bên Vay.

(h) Bên Vay xác nhận và đồng ý rằng Bên Cho Vay được toàn quyền xử lý dữ liệu, thông tin, tài liệu mà Bên Vay cung cấp theo quy định của pháp luật, Điều Khoản và Điều Kiện về bảo vệ dữ liệu cá nhân do NHCTVN công bố trong từng thời kỳ (bao gồm dữ liệu cá nhân của người đại diện theo pháp luật của Bên Vay, lãnh đạo, cổ đông, thành viên góp vốn của Bên Vay ....) cho các mục đích phục vụ giao kết, thực hiện Hợp Đồng này, phục vụ các hoạt động kinh doanh, cung cấp các sản phẩm/dịch vụ của Bên Cho Vay theo quy định của pháp luật.
Bên Vay đồng ý ủy quyền vô điều kiện, không hủy ngang cho Bên Cho Vay được phép liên hệ với các tổ chức, cá nhân khác để thu thập và xử lý dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật các thông tin liên quan đến Bên Vay (bao gồm các dữ liệu cá nhân của người đại diện theo pháp luật của Bên Vay, lãnh đạo, thành viên góp vốn, cổ đông...) để phục vụ cho mục đích giao kết, thực hiện Hợp Đồng này và cho phép các tổ chức cá nhân này được cung cấp thông tin của Bên Vay mà tổ chức, cá nhân đó đang nắm giữ, lưu trữ cho Bên Cho Vay và Bên Cho Vay được toàn quyền xử lý dữ liệu của Bên Vay phục vụ cho mục đích giao kết và thực hiện Hợp Đồng này.
Bên Vay đã hiểu rõ các quyền, nghĩa vụ của mình đối với các dữ liệu mà Bên Vay cung cấp và đồng ý cho Bên Cho Vay được toàn quyền xử lý dữ liệu của Bên Vay theo quy định của pháp luật, Điều Khoản và Điều Kiện về bảo vệ dữ liệu cá nhân do NHCTVN công bố trong từng thời kỳ.

(i) Trong quá trình giao kết, thực hiện Hợp Đồng, Bên Vay cam kết không ký khống chứng từ, tài liệu, không ký khi chưa đọc nội dung, không ký khi nội dung chưa đúng, chưa đủ nội dung giao dịch. Bên Vay cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Bên Cho Vay về tính đầy đủ, chính xác, trung thực, hợp pháp của tất cả các thông tin, tài liệu và chứng từ cung cấp cho Bên Cho Vay trong quá trình giao kết và thực hiện Hợp Đồng (bao gồm nhưng không giới hạn bởi các thông tin do Bên Vay cung cấp và được thể hiện tại Hợp đồng và tài liệu liên quan, các tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn,...).
Trong trường hợp Bên Vay vi phạm cam kết quy định tại điều khoản này dẫn đến việc cấp tín dụng và việc giao kết, thực hiện Hợp Đồng này của Bên Cho Vay bị ảnh hưởng, Bên Vay cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Bên Cho Vay, đồng thời Bên Vay cam kết không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện nào đối với Bên Cho Vay về việc này.

(j) Bên Vay cam kết không thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật, không vay ké, không vay hộ dẫn đến ảnh hưởng bất lợi cho Bên Cho Vay. Bên Vay tự chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật và Bên Cho Vay trong trường hợp vi phạm cam kết này.

(k) Bên Vay đồng ý thanh toán hoặc hoàn trả các nghĩa vụ tài chính đã nhận được từ việc phát sinh lỗi hệ thống và hoặc bất kỳ sự kiện rủi ro nào khác phát sinh trong quá trình thực hiện giao dịch theo Hợp Đồng này (nếu có).

(l) Trừ trường hợp Bên Cho Vay chấp thuận bằng văn bản, Bên Vay sẽ sử dụng ngay tiền thu được từ bán, cho thuê sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ hình thành từ vốn vay để trả nợ cho Bên Cho Vay cho dù chưa đến hạn.

(m) Bảo hiểm: Bên Vay sẽ mua và duy trì bảo hiểm đối với hàng hóa, tài sản bảo đảm đang thế chấp tại Bên Cho Vay (tài sản thuộc đối tượng bắt buộc phải mua bảo hiểm), ưu tiên mua bảo hiểm của Công ty Bảo Hiểm NHCT và giá trị bảo hiểm hàng hóa chuyển quyền thụ hưởng đầu tiên cho Bên Cho Vay tối thiểu bằng số dư tín dụng không bảo đảm của Bên Vay tại Bên Cho Vay.

(n) Tài khoản: Bên Vay sẽ duy trì các Tài Khoản; và Chuyển doanh thu từ hoạt động kinh doanh qua tài khoản mở tại Bên Cho Vay, đảm bảo: (i) tỷ trọng doanh thu qua tài khoản thanh toán mở tại Bên Cho Vay tối thiểu bằng tỷ lệ cấp tín dụng của Bên Cho Vay so với các tổ chức tín dụng khác và (ii) toàn bộ doanh thu từ Hợp đồng đầu ra do Bên Cho Vay tài trợ tín dụng để được chuyển về tài khoản thanh toán mở tại Bên Cho Vay. Trường hợp dòng tiền từ hoạt động kinh doanh về sớm hơn dự kiến, Bên Cho Vay có quyền thu hồi nợ vay mà không căn cứ vào thời hạn cho vay ban đầu.

(o) Thông báo cho Bên Cho Vay và chỉ thực hiện tạm ngừng kinh doanh, tổ chức lại doanh nghiệp, giải thể, nộp đơn phá sản, cổ phần hóa doanh nghiệp hoặc bất kỳ hình thức tái tổ chức nào sau khi có chấp thuận bằng văn bản của Bên Cho Vay.

(p) Thông báo cho Bên Cho Vay ngay khi có thay đổi trong mô hình, phương thức hoạt động, cơ cấu chủ sở hữu, thành phần Ban lãnh đạo/Nhân sự chủ chốt (nếu có).

(q) Cam kết rút vốn tối thiểu 10% Hạn Mức Cho Vay trong thời gian duy trì hạn mức. Số tiền mỗi lần rút vốn không thấp hơn 50.000.000 VNĐ ngoại trừ lần giải ngân cuối cùng, hoặc một số tiền khác được Bên Cho Vay chấp thuận .

(r) Bồi thường cho Bên Cho Vay các thiệt hại thực tế, trực tiếp phát sinh từ và liên quan tới Hợp Đồng này mà Bên Cho Vay phải gánh chịu do việc vi phạm Hợp Đồng của Bên Vay theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này.

(s) Chấp thuận và đồng ý cho Bên Cho Vay được quyền chủ động trích (ghi Nợ) Tài Khoản để thu nợ gốc, lãi khi đến hạn và/hoặc thu nợ trước hạn theo quy định tại Hợp Đồng này và/hoặc thu các nghĩa vụ tài chính khác của Bên Vay với Bên Cho Vay theo quy định của Bên Cho Vay từng thời kỳ.

(t) Bên Vay đồng ý cho Bên Cho Vay tạm khóa các Tài Khoản của Bên Vay để thực hiện thu gốc, lãi, phí, nghĩa vụ tài chính khác quá hạn của Bên Vay với các nội dung chi tiết như sau:

(i) Điều kiện để Bên Cho Vay thực hiện tạm khóa các Tài Khoản của Bên Vay: Bên Vay không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ nợ gốc, lãi, phí, nghĩa vụ tài chính khác theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này; và/hoặc

(ii) Thời điểm Bên Vay đồng ý để Bên Cho Vay được thực hiện tạm khóa các Tài Khoản của Bên Vay: Bên Vay đồng ý về việc sau khi phát sinh trường hợp để Bên Cho Vay thực hiện tạm khóa các Tài Khoản của Bên Vay theo điểm (i) nêu trên, Bên Cho Vay được quyền chủ động theo dõi, đánh giá tình hình Bên Vay để quyết định thời điểm thực hiện tạm khóa các Tài Khoản của Bên Vay.

(iii) Số tiền tạm khoá và chấm dứt tạm khóa mà Bên Vay đồng ý để Bên Cho Vay được thực hiện tạm khóa các Tài Khoản của Bên Vay theo Hợp Đồng này:

+ Số tiền thực hiện tạm khóa trên Tài Khoản: Bên Vay đồng ý để Bên Cho Vay được quyền quyết định số tiền tạm khóa trên các Tài Khoản của Bên Vay tối thiểu bằng tổng dư nợ gốc, lãi, phí, nghĩa vụ tài chính khác quá hạn hoặc tối thiểu bằng tổng dư nợ gốc quá hạn của các Khoản Nợ của Bên Vay phát sinh theo Hợp Đồng này. Trong thời gian tạm khóa các Tài Khoản của Bên Vay, Bên Vay đồng ý để Bên Cho Vay được quyền chủ động điều chỉnh số tiền tạm khóa của Bên Vay.

+ Thời gian tạm khóa Tài Khoản: Bên Vay đồng ý để Bên Cho Vay được quyền chấm dứt tạm khóa một phần hoặc toàn bộ số tiền tạm khóa trên các Tài Khoản của Bên Vay và trích (ghi Nợ) các Tài Khoản của Bên Vay đối với số tiền chấm dứt tạm khóa để thu các khoản gốc, lãi, phí, nghĩa vụ tài chính khác quá hạn của Bên Vay phát sinh theo Hợp Đồng này và/hoặc Bên Cho Vay được quyền chấm dứt tạm khóa Tài Khoản khi Bên Vay không còn bất kỳ khoản nợ gốc, lãi, phí, nghĩa vụ tài chính quá hạn nào khác phát sinh theo Hợp Đồng này.

(u) Bên Vay cam kết chuyển/nộp doanh thu về tài khoản tiền gửi của Bên Vay mở tại Bên Cho Vay tối thiểu tương ứng tỷ trọng tài trợ vốn của Bên Cho Vay so với các Tổ chức tín dụng khác. Ưu tiên tập trung sử dụng các sản phẩm tài trợ thương mại, sản phẩm dịch vụ ngân hàng khác tại Chi nhánh.

(v) Bên Vay cam kết sử dụng các sản phẩm dịch vụ của Bên Cho Vay (mua bán ngoại tệ, thanh toán xuất nhập khẩu, chuyển tiền,….) tối thiểu tương ứng tỷ lệ tài trợ của Bên Vay so với các Tổ chức tín dụng khác.

(x) Ưu tiên sử dụng các sản phẩm dịch vụ tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam khi có nhu cầu.

(y) Đảm bảo tính chính xác, chân thực của chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn dưới dạng thông điệp dữ liệu và các chứng từ khác được gửi dưới dạng scan/bản gốc.

(z) Định kỳ 03 tháng/lần tại thời điểm Bên Cho Vay kiểm tra sử dụng vốn vay, Bên Vay cung cấp bản gốc chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn cho Bên cho Vay đối với các chứng từ đã gửi bản scan màu qua eFAST/ERP theo yêu cầu của Bên Cho vay, đảm bảo đúng thời hạn cung cấp và đảm bảo tính chính xác, chân thực của chứng từ, có nội dung khớp đúng, so với các chứng từ đã gửi qua eFAST/ERP.

Nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp Đồng này theo quy định pháp luật.

ĐIỀU 8. CHẤM DỨT CHO VAY VÀ THU HỒI NỢ TRƯỚC HẠN

8.1 Bên Cho Vay được quyền tuyên bố chấm dứt cho vay và/hoặc thu hồi trước hạn một phần hoặc toàn bộ dư nợ gốc và lãi cộng dồn (vào ngày do Bên Cho Vay ấn định bằng thông báo cho Bên Vay) khi phát sinh hoặc tiếp diễn một trong các sự kiện sau:

(a) Bên Vay không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nợ gốc đến hạn của bất kỳ Khoản Nợ nào, lãi đến hạn tính trên bất kỳ Khoản Nợ nào, và/hoặc bất kỳ nghĩa vụ tài chính khác đến hạn theo quy định tại Hợp Đồng này, Hợp Đồng Bảo Đảm.

(b) Bên Vay bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các giấy tờ pháp lý tương đương và/hoặc (i) Giấy phép kinh doanh và các giấy tờ pháp lý tương đương; hoặc (ii) Bên Vay bị chủ nợ, đại diện công đoàn, đại diện người lao động hoặc bất kỳ tổ chức/cá nhân nào khác nộp đơn yêu cầu tòa án tuyên bố phá sản; hoặc (iii) Bên Vay nộp đơn yêu cầu giải quyết việc tuyên bố phá sản; hoặc (iv) Bên Vay tạm ngừng kinh doanh hoặc tuyên bố ngừng hoặc tạm ngừng một phần đáng kể hoạt động của mình; hoặc (v) giải thể; hoặc (vi) không còn khả năng hoặc thừa nhận không có khả năng thanh toán nợ đến hạn.

(c) Bất kỳ hành động hoặc sự kiện hoặc một chuỗi sự kiện nào xảy ra cho dù có liên quan hay không mà theo đánh giá của Bên Cho Vay sẽ gây ra thay đổi bất lợi đáng kể đến hoạt động kinh doanh hoặc tình hình tài chính hoặc khả năng trả nợ của Bên Vay.

(d) Bên Vay vi phạm bất kỳ cam kết, nghĩa vụ nào được quy định trong Hợp Đồng này và các văn bản, thỏa thuận, cam kết liên quan khác với Bên Cho Vay mà không thể khắc phục được hoặc không được khắc phục trong thời hạn mà Bên Cho Vay yêu cầu.

(e) Vi phạm chéo: (i) Bên Vay không thực hiện hoặc không tuân thủ các nghĩa vụ theo bất kỳ thỏa thuận hoặc văn bản nào liên quan đến bất kỳ khoản nợ nào của Bên Vay và/hoặc các bên có liên quan (trừ các khoản nợ đến hạn theo Hợp Đồng này) tại Bên Cho Vay; hoặBây c (ii) Bên Vay có dư nợ xấu tại các tổ chức tín dụng khác.

8.2 Bên Cho Vay chuyển nợ quá hạn đối với dư nợ gốc mà Bên Vay không thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo như thông báo của Bên Cho Vay. Ngoài các quyền và biện pháp khắc phục được phép theo pháp luật và Hợp Đồng này, Bên Cho Vay có quyền áp dụng một hoặc tất cả các biện pháp khắc phục sau đây:

(a) Chủ động trích tiền từ Tài Khoản hoặc bất kỳ tài khoản nào tại bất kỳ Chi nhánh nào của NHCTVN để thu nợ;

(b) Bù trừ nghĩa vụ nợ của Bên Vay theo Hợp Đồng này với nghĩa vụ thanh toán của Bên Cho Vay (bao gồm cả các Chi nhánh khác của NHCTVN) với Bên Vay phát sinh theo bất kỳ thoả thuận nào đã được xác lập trước đó; Trường hợp nghĩa vụ nợ theo Hợp Đồng này và nghĩa vụ thanh toán của Bên Cho Vay với Bên Vay theo thỏa thuận khác có loại đồng tiền khác nhau, Bên Cho Vay được toàn quyền thực hiện việc quy đổi sang đồng tiền nhận nợ theo tỷ giá do Bên Cho Vay xác định tại thời điểm quy đổi và Bên Cho Vay được quyền thu các loại phí liên quan khi thực hiện quy đổi tiền tệ theo quy định của Bên Cho Vay mà không cần phải có thêm bất cứ một hợp đồng/thỏa thuận mua bán ngoại tệ nào giữa Các Bên;

(c) Đại diện và nhân danh Bên Vay yêu cầu và/hoặc Lập lệnh chi và/hoặc Uỷ nhiệm chi gửi các tổ chức tín dụng khác (bao gồm cả Chi nhánh của Tổ chức tín dụng đó) để trích tiền gửi từ tài khoản của Bên Vay tại tổ chức tín dụng đó về Tài Khoản để thu nợ;

(d) Xử lý bất kỳ tài sản bảo đảm, biện pháp bảo đảm nào theo bất kỳ phương thức hoặc trình tự nào mà Bên Cho Vay cho là thích hợp, phù hợp với thoả thuận tại Hợp Đồng Bảo Đảm;

(e) Thực hiện bất kỳ thủ tục pháp lý nào để yêu cầu Bên Vay thực hiện nghĩa vụ.

ĐIỀU 9. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI

9.01 Phạt Vi Phạm:

Trong vòng ba (03) Ngày Làm Việc sau khi được yêu cầu, Bên Vay phải thanh toán cho Bên Cho Vay khoản tiền phạt vi phạm được tính bằng 0% trên số tiền bị vi phạm nếu Bên Vay vi phạm một trong các trường hợp sau:

(a) Hết thời hạn duy trì hạn mức mà không có Khoản Nợ nào (trừ Khoản Nợ theo liệt kê chi tiết tại Phụ Lục I Hợp Đồng này) được giải ngân hoặc tổng số tiền giải ngân ít hơn số tiền cam kết theo quy định tại Điều 7.2 (q) Hợp Đồng này;

(b) Số tiền của mỗi lần giải ngân ít hơn quy định tại Điều 7.2 (q) Hợp Đồng này;

9.02 Bồi thường thiệt hại:

Ngoài khoản tiền phạt theo quy định của Khoản 9.1 Điều 9, Bên Vay đồng thời phải bồi thường cho Bên Cho Vay các thiệt hại thực tế, trực tiếp phát sinh từ và liên quan tới Hợp Đồng này mà Bên Cho Vay phải gánh chịu do việc vi phạm Hợp Đồng của Bên Vay (bao gồm nhưng không giới hạn bởi các hành vi vi phạm theo quy định của Khoản 9.1 Điều 9)

ĐIỀU 10. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

10.1 Thông Báo

(a) Hình thức thông báo: Trừ khi có quy định rõ ràng khác trong Hợp Đồng này, tất cả các thông báo và thông tin khác được đưa ra theo Hợp Đồng này được gửi đi bằng một trong các hình thức: (i) email và các kênh điện tử/nền tảng công nghệ khác (như tin nhắn gửi qua số điện thoại, hệ thống VietinBank iPay, VietinBank Efast…); (ii) đường bưu điện, (iii) giao tận tay hoặc (iv) fax (và các bản gốc được gửi bằng đường bưu điện trong vòng hai (02) Ngày Làm Việc sau đó) theo địa chỉ được ghi cụ thể dưới đây:

Bên Cho Vay	**Bên Vay**
NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH TÂY SÀI GÒN	CÔNG TY TNHH MTV TM VÀ DV NGỌC THƠM
Địa chỉ: Lô 20, đường Song Hành, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.HCM	Địa chỉ: 12/14/18 Đường 49, KP 7, P. Hiệp Bình Chánh, TP. Thủ Đức, TP. HCM
Fax: 028.3754.2207	Fax:
Người nhận:	Người nhận: Bà Trần Thị Thơm

Các Bên thống nhất rằng, Bên Cho Vay được quyền chủ động quyết định hình thức gửi thông báo, thông tin cho Bên Vay và các Thông báo, thông tin này là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng này. Bên Vay được quyền áp dụng hình thức gửi thông báo qua kênh điện tử, nền tảng công nghệ theo hướng dẫn của NHCTVN trong từng thời kỳ hoặc áp dụng các hình thức gửi thông báo, thông tin khác theo quy định tại Hợp đồng này

(b) Bên Vay cam kết rằng Bên Vay/Người đại diện theo pháp luật của Bên Vay sẽ duy trì/có mặt tại địa chỉ nêu tại điểm a khoản 10.1 Điều 10 hoặc địa chỉ khác được thông báo cho Bên Cho Vay để nhận các thông tin thực hiện và giải quyết tranh chấp Hợp Đồng. Trường hợp Bên Vay/Người đại diện theo pháp luật của Bên Vay không duy trì/có mặt tại địa chỉ này liên tục ba mươi (30) ngày và không thông báo địa chỉ mới cho Bên Cho Vay thì Bên Vay/Người đại diện theo pháp luật được coi là giấu địa chỉ, cố tình trốn tránh nghĩa vụ thực hiện (bao gồm cả nghĩa vụ trả nợ) Hợp Đồng. Khi đó, Bên Cho Vay được quyền khởi kiện và đề nghị Toà án cấp có thẩm quyền thụ lý vụ án theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt Bên Vay/Người đại diện theo pháp luật của Bên Vay mà không cần tiến hành bất kỳ thủ tục pháp lý nào khác.

(c) Trường hợp việc gửi thông báo được thực hiện qua email và các kênh điện tử/nền tảng công nghệ khác, Bên Vay đồng ý rằng bằng việc (i) truy cập vào email; (ii) truy cập vào các kênh điện tử/nền tảng công nghệ do Bên Cho Vay cung cấp bằng chính tên đăng nhập và mật khẩu của Bên Vay, (iii) nhập mã OTP (One Time Pasword) do Bên Cho Vay gửi đến số điện thoại của Bên Vay đã đăng ký với Bên Cho Vay và/hoặc sử dụng chữ ký điện tử và/hoặc xác thực theo các phương pháp khác do Bên Cho Vay thực hiện từng thời kỳ (nếu có) để đăng ký dịch vụ, giao kết các thỏa thuận/hợp đồng với Bên Cho Vay khi sử dụng các sản phẩm/dịch vụ trên các kênh điện tử/nền tảng công nghệ do Bên Cho Vay cung cấp; nội dung đăng ký, thỏa thuận/hợp đồng/xác thực này thể hiện ý chí chấp thuận của Bên Vay về các thông báo, điều khoản, điều kiện của Hợp đồng, thỏa thuận dịch vụ đó khi thực hiện các giao dịch với Bên Cho Vay.

10.2 Sửa Đổi, Bổ Sung Hợp Đồng

Trừ trường hợp được quy định một cách rõ ràng khác đi, Hợp Đồng này và bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng này chỉ được sửa đổi, bổ sung khi có văn bản sửa đổi, bổ sung có chữ ký của các bên tham gia Hợp Đồng này.

10.3 Chuyển Nhượng Hợp Đồng

(a) Bên Cho Vay có quyền chuyển giao, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền và/hoặc nghĩa vụ của mình phát sinh từ Hợp Đồng này và Hợp Đồng Bảo Đảm cho bên thứ ba mà không cần phải có sự chấp thuận của Bên Vay, ngoại trừ nghĩa vụ thông báo về việc chuyển giao, chuyển nhượng.

(b) Bên Vay được quyền chuyển giao, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền và/hoặc nghĩa vụ của mình phát sinh từ Hợp Đồng này và Hợp Đồng Bảo Đảm khi được Bên Cho Vay đồng ý trước bằng văn bản.

10.4 Tiết Lộ Thông Tin

a. Tiết lộ thông tin cho Công ty Thông tin tín dụng

a.1) Thỏa thuận cung cấp thông tin tín dụng cho Công ty CP thông tin tín dụng Việt Nam, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102547296, đăng ký lần đầu: ngày 27/11/2007 và các lần đăng ký thay đổi (nếu có) hoặc các Công ty thông tin tín dụng khác mà Bên Cho Vay dự kiến là tổ chức tham gia ("Công ty thông tin tín dụng"):

(i) Bên Vay đồng ý cho Bên Cho Vay cung cấp thông tin tín dụng của Bên Vay tại Bên Cho Vay cho Công ty thông tin tín dụng theo quy định của pháp luật.

(ii) Nội dung thông tin tín dụng được cung cấp và việc thực hiện cung cấp thông tin tín dụng của Bên Cho Vay cho Công ty thông tin tín dụng đảm bảo phù hợp với quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật khác liên quan.

(iii) Khi Công ty thông tin tín dụng bị thu hồi Giấy chứng nhận, Bên Cho Vay sẽ ngừng cung cấp thông tin tín dụng của Bên Vay cho Công ty thông tin tín dụng và Bên Vay đồng ý thông tin tín dụng của Bên Vay tại Công ty thông tin tín dụng được xử lý theo quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng.

Bên Cho Vay có trách nhiệm thông báo với Bên Vay về việc xử lý thông tin tín dụng của Bên Vay trong thời hạn tối đa 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Bên Cho Vay nhận được thông báo của Công ty thông tin tín dụng về phương án xử lý thông tin tín dụng.

(iv) Bên Vay đồng ý rằng Công ty thông tin tín dụng được sử dụng các thông tin tín dụng của Bên Vay do Bên Cho Vay cung cấp để sử dụng vào các mục đích và cung cấp thông tin cho bên thứ ba theo quy định của pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng.

a.2) Thỏa thuận về việc Công ty thông tin tín dụng cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng:

(i) Bên Vay đồng ý cho Bên Cho Vay được Công ty thông tin tín dụng cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng có thông tin định danh của Bên Vay.

(ii) Nội dung thông tin tín dụng được cung cấp, việc sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng có thông tin định danh của Bên Vay được Công ty thông tin tín dụng cung cấp đảm bảo phù hợp với quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật khác liên quan.

b. Tiết lộ thông tin:

Bên Cho Vay phải bảo mật bất kỳ thông tin nào (thông tin liên quan tới Hợp Đồng này, các thông tin về tất cả các giao dịch, quan hệ tín dụng giữa Các Bên) được cung cấp bởi Bên Vay hoặc nhân danh Bên Vay, trừ trường hợp: (i) thông tin được công bố công khai mà không phải là hậu quả của việc Bên Cho Vay vi phạm điểm này; (ii) liên quan đến bất kỳ thủ tục tố tụng trọng tài hoặc thủ tục pháp lý nào; (iii) nếu được yêu cầu theo quy định pháp luật có liên quan; (iv) cung cấp cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; (v) cung cấp cho các cơ quan kiểm toán thực hiện kiểm toán Bên Cho Vay; (vi) cho các chuyên gia tư vấn, cổ đông của Bên Cho Vay; (vii) cung cấp cho các tổ chức/cá nhân tiến hành thẩm định và cung cấp sản phẩm, dịch vụ, vốn cho Bên Cho Vay với điều kiện các tổ chức/cá nhân đó đã thoả thuận bảo mật thông tin với Bên Cho Vay; (viii) cung cấp cho các bên trong Hợp Đồng Bảo Đảm hoặc các trường hợp khác được Bên Vay chấp thuận; (ix) Cung cấp cho tổ chức, cá nhân (bao gồm cả việc cung cấp thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin của Bên Cho Vay) nhằm phục vụ cho mục đích sau:

- Bán khoản nợ của Bên Vay theo Hợp Đồng;
- Xử lý tài sản bảo đảm, biện pháp bảo đảm theo các Hợp Đồng Bảo Đảm;
- Để thực hiện công việc theo ủy quyền của Bên Cho Vay đối với việc quản lý và xử lý khoản nợ của Bên Vay theo Hợp Đồng;
- Thực hiện bất kỳ phương thức quản lý và xử lý khoản nợ của Bên Vay theo Hợp Đồng phù hợp với quy định pháp luật.

10.5 Luật Điều Chỉnh, Cơ Quan Giải Quyết Tranh Chấp

(a) Hợp Đồng này, các quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng này được giải thích, điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam.

(b) Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan tới Hợp Đồng Cho Vay, Điều Kiện, Điều Khoản Chung này sẽ được giải quyết tại tòa án có thẩm quyền của Việt Nam.

10.6 Số Bản Gốc

Hợp Đồng Cho Vay này được lập thành ba (03) bản gốc có hiệu lực ngang nhau. Bên Cho Vay giữ hai (02) bản gốc và Bên Vay giữ một (01) bản gốc.

10.7 Hiệu Lực

Hợp Đồng này có hiệu lực thi hành kể từ ngày giao kết Hợp Đồng. Khi Bên Vay trả hết nợ gốc, nợ lãi và các chi phí phát sinh khác (nếu có) đồng thời hết Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức theo Hợp Đồng này thì Hợp Đồng này mặc nhiên được thanh lý.

ĐỂ GHI NHẬN CÁC THOẢ THUẬN TRONG HỢP ĐỒNG NÀY, Bên Vay đã đọc, hiểu rõ nội dung, thông tin tại Hợp Đồng này. Bên Vay xác nhận trước khi giao kết Hợp Đồng này, Bên Vay đã được Bên Cho Vay cung cấp đầy đủ thông tin về giao kết, thực hiện Hợp Đồng, Thông báo điều kiện, điều khoản cơ bản trước khi giao kết Hợp Đồng và đã ký xác nhận đối với Thông báo này.

ĐẠI DIỆN BÊN VAY	**ĐẠI DIỆN BÊN CHO VAY**
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM	
Họ tên: Trần Thị Thơm	Họ tên: Ông Đỗ Văn Thọ
Chức vụ:	Chức vụ: Phó Giám Đốc CN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày tháng năm

THÔNG BÁO ĐIỀU KHOẢN, ĐIỀU KIỆN CƠ BẢN TRƯỚC KHI GIAO KẾT HỢP ĐỒNG CHO VAY

Kính gửi: CÔNG TY TNHH MTV TM VÀ DV NGỌC THƠM (Bên Vay)

Trên cơ sở xem xét đề nghị vay vốn của Quý khách hàng, chúng tôi, NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH TÂY SÀI GÒN **(Bên Cho Vay)**, kính thông báo tới Quý khách hàng các điều khoản, điều kiện cơ bản trước khi giao kết Hợp Đồng Cho Vay như sau:

1 - Điều kiện khách hàng vay vốn

2 - Các nội dung liên quan đến Lãi và Phí

2.1 Lãi Suất Cho Vay

Lãi suất cho vay trong Thông báo này là Lãi suất điều chỉnh, được xác định và điều chỉnh theo các quy định dưới đây:

(a) Lãi suất cho vay trong hạn

Lãi suất cho vay trong hạn của Khoản Nợ là lãi suất được ghi trên từng Giấy Nhận Nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất theo nguyên tắc xác định như sau:

(i) Thời hạn điều chỉnh lãi suất, ngày xác định lãi suất, thông báo điều chỉnh lãi suất:

- Lãi suất cho vay được điều chỉnh một (1) tháng một lần (**"Thời Hạn Điều Chỉnh Lãi Suất"**).
- Lãi suất cho vay của bất kỳ Khoản Nợ nào sẽ được xác định vào Ngày Giải Ngân Khoản Nợ đó và được điều chỉnh (xác định lại) vào ngày một (1) hàng tháng hoặc Ngày Làm Việc liền kề trước đó nếu ngày một (1) đó không phải là Ngày Làm Việc (**"Ngày Xác Định Lãi Suất"**).

-

Sau Ngày Xác Định Lãi Suất, Bên Cho Vay sẽ gửi văn bản thông báo lãi suất và/hoặc Bên Cho Vay sẽ thông báo lãi suất thông qua các kênh điện tử/nền tảng công nghệ (như tin nhắn gửi qua số điện thoại/Email/Hệ thống Vietinbank Ipay, Vietinbank Efast…mà Bên Vay đã đăng ký tại Bên Cho Vay trước đó) cho Bên Vay nếu lãi suất cho vay có sự thay đổi so với lãi suất cho vay đang áp dụng. Các Bên thống nhất rằng Bên Cho Vay được quyền chủ động quyết định hình thức gửi thông báo lãi suất và văn bản thông báo lãi suất cho vay và/hoặc thông báo lãi suất qua các kênh điện tử/nền tảng công nghệ là bộ phận không thể tách rời của Hợp Đồng này. Kể từ Ngày Xác Định Lãi Suất, Bên Cho Vay được quyền áp dụng lãi suất được xác định ghi trong thông báo lãi suất đó (hoặc thông báo lãi suất trước đó) cho kỳ hạn tính lãi tương ứng mà không cần phải có sự đồng ý của Bên Vay, trừ khi Bên Vay có văn bản phản đối lãi suất được xác định sai nguyên tắc quy định dưới đây trong thời hạn ba (03) Ngày Làm Việc kể từ ngày Bên Cho Vay gửi thông báo đó. Trường hợp Bên Vay phản đối, lãi suất cho vay trong thông báo lãi suất sẽ được Bên Vay và Bên Cho Vay cùng xác định lại, nếu Bên Vay không cùng Bên Cho Vay xác định lại hoặc không chỉ rõ được việc Bên Cho Vay xác định sai thì lãi suất cho vay vẫn được áp dụng theo mức lãi suất trong thông báo xác định lãi suất mà Bên Cho Vay đã gửi cho Bên Vay.

(iii) Vào Ngày Xác Định Lãi Suất, lãi suất cho vay trong hạn được xác định như sau:

-

Lãi suất của khoản vay trong bất kỳ kỳ hạn tính lãi nào là lãi suất ngày và bằng tổng của lãi suất cơ sở cộng (+) Biên độ tối thiểu ba phẩy năm phần trăm một năm (3,5%/năm).

- Lãi suất cơ sở được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm thông thường trả lãi sau niêm yết tại Bên Cho Vay cộng (+) chi phí huy động vốn tăng thêm, trong đó:

  - Lãi suất cơ sở: Là lãi suất huy động tiết kiệm thông thường trả lãi sau của cùng loại tiền cho vay có kỳ hạn tương ứng với kỳ hạn vay vốn được niêm yết tại Bên Cho Vay. Trường hợp tại thời điểm thỏa thuận hoặc xác định lãi suất cơ sở không có loại lãi suất huy động tiết kiệm thông thường trả lãi sau có kỳ hạn tương ứng với kỳ hạn của khoản vay thì áp dụng lãi suất huy động tiết kiệm trả lãi sau có kỳ hạn của kỳ hạn liền kề có lãi suất cao hơn trong biểu lãi suất huy động tiết kiệm thông thường trả lãi sau hiện hành của Bên Cho Vay.
  - Chi phí huy động tăng thêm được Bên Cho Vay xác định trong trường hợp có sự kiện biến động thị trường. Sự kiện biến động thị trường được định nghĩa chi tiết tại tiết (v), điểm a), khoản 2.1, điều 2 bên dưới của Hợp Đồng này. Khi sự kiện biến động thị trường xảy ra Bên Cho Vay được quyền tính toán, áp

dụng chi phí vốn huy động thực tế của Bên Cho Vay làm lãi suất cơ sở thay vì lãi suất huy động tiết kiệm niêm yết trong trường hợp Biến động thị trường và chỉ cần thông báo cho Bên Vay.

- Trong trường hợp tại Ngày Xác Định Lãi Suất, không có lãi suất huy động tiết kiệm để xác định lãi suất cơ sở thì Bên Cho Vay được quyền ấn định lãi suất cơ sở căn cứ vào chi phí huy động vốn của Bên Cho Vay.

- Điều chỉnh biên độ: Bên Cho Vay được quyền quyết định điều chỉnh tăng biên độ và thông báo cho Bên Vay để đảm bảo lợi ích của Bên Cho Vay trong các trường hợp sau:

- Bên Vay đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ hoặc miễn/giảm lãi;
- Khả năng trả nợ của Bên Vay suy giảm hoặc dự kiến suy giảm (bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp sau):
  Do hạng tín dụng của Bên Vay suy giảm/Bên Vay không duy trì được các chỉ số tài chính theo cam kết của Bên Cho Vay, xảy ra các biến động bất lợi trong môi trường/lĩnh vực kinh doanh tác động tiêu cực đến khả năng trả nợ của khách hàng (thiên tại, dịch bệnh, chiến tranh, môi trường kinh tế,...);
  - Bên Vay có nợ quá hạn;
  - Bên Vay không cung cấp đầy đủ. Kịp thời và trung thực các thông tin theo yêu cầu,...)
- Các thay đổi liên quan đến tài sản bảo đảm làm tăng rủi ro đối với khoản vay (bao gồm nhưng không giới hạn việc rút giảm tài sản bảo đảm, giảm giá trị tài sản bảo đảm,...).
- Việc Nhà nước thay đổi bất kỳ Luật hoặc Quy định nào và/hoặc việc tuân thủ bất kỳ Luật hoặc quy định nào được đưa ra sau ngày ký Hợp Đồng này (bao gồm nhưng không giới hạn các thay đổi liên quan đến pháp luật như Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước thay đổi tỷ lệ dự trữ bắt buộc/lãi suất dự trữ bắt buộc, hệ số an toàn vốn, hệ số tài sản có rủi ro, thay đổi phương pháp tính vốn yêu cầu cho các loại rủi ro trọng yếu,...) làm giảm lợi ích của Bên Cho Vay.

- Trường hợp Bên Vay không tuân thủ đúng cam kết về quy mô dòng tiền chuyển về tài khoản thanh toán của Bên Vay tại Bên Cho Vay theo điểm u khoản 7.2 Hợp Đồng này thì Bên Cho Vay được quyền điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn tại Ngày Xác Định Lãi Suất.

(iii) Bên Cho Vay có quyền chuyển giao, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền và/hoặc nghĩa vụ của mình phát sinh từ Hợp Đồng này và Hợp Đồng Bảo Đảm cho bên thứ ba mà không cần phải có sự chấp thuận của Bên Vay, ngoại trừ nghĩa vụ thông báo về việc chuyển giao, chuyển nhượng.

(iv)

Trường hợp lãi suất cho vay xác định theo quy định nêu trên thấp hơn mức sàn lãi suất cho vay kỳ hạn tương ứng của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ("**NHCTVN**") thì lãi suất cho vay được xác định bằng mức sàn lãi suất cho vay kỳ hạn tương ứng của NHCTVN tại Ngày Xác Định Lãi Suất được ghi trong thông báo điều chỉnh lãi suất.

(v) Trường hợp lãi suất cho vay xác định theo quy định nêu trên thấp hơn mức sàn lãi suất cho vay kỳ hạn tương ứng của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (**"NHCTVN"**) thì lãi suất cho vay được xác định bằng mức sàn lãi suất cho vay kỳ hạn tương ứng của NHCTVN tại Ngày Xác Định Lãi Suất được ghi trong thông báo điều chỉnh lãi suất.

(vi) Lãi suất cho vay tại thời điểm giao kết Hợp Đồng là **9%/năm** và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày giao kết Hợp Đồng.

(vii)

Lãi suất cho vay ưu đãi theo chương trình tín dụng:

Lãi suất cho vay của khoản vay là lãi suất được ghi trên từng Giấy Nhận Nợ.

- Vào Ngày giải ngân Khoản nợ hoặc Ngày xác định lãi suất, tùy thuộc vào việc Bên vay đáp ứng đầy đủ điều kiện của các chương trình tín dụng theo quy định của Bên Cho Vay và được Bên Cho Vay chấp thuận thì lãi suất cho vay của Khoản nợ sẽ được xác định theo chính sách của Chương trình tín dụng đó và được ghi vào Giấy Nhận Nợ. Hết thời hạn áp dụng hoặc khi Bên Vay không đáp ứng được điều kiện của Chương Trình hoặc Bên Cho Vay chấm dứt chương trình tín dụng trước hạn thì lãi suất cho vay được xác định theo quy định tại Hợp đồng này. Trong đó, Ngày Xác định Lãi suất là ngày Bên Cho Vay chấm dứt áp dụng Chương trình tín dụng đối với Bên vay (trừ trường hợp theo thông báo riêng của Bên Cho Vay).
- Trường hợp Bên vay phát sinh nợ quá hạn từ Nợ nhóm 2, Nợ xấu tại Bên Cho Vay và/hoặc bị phát hiện sử dụng vốn sai mục đích, Bên Cho Vay chấm dứt ngay việc ưu đãi lãi suất đối với toàn bộ dư nợ của

Bên vay tại tất cả các Chi nhánh trong hệ thống Bên Cho Vay kể từ ngày bị chuyển nhóm nợ và/hoặc bị phát hiện sử dụng vốn vay sai mục đích tại Bên Cho Vay.

- Bên Cho Vay thu hồi ưu đãi lãi suất trong 2 trường hợp sau đây:Bên Vay sử dụng vốn sai mục đích: trường hợp xác định Bên Vay sử dụng vốn vay sai mục đích, Bên cho vay sẽ thực hiện thu hồi toàn bộ số tiền lãi đã ưu đãi đối với tất cả các khoản vay sử dụng vốn sai mục đích còn dư nợ. Phạm vi thu hồi: Toàn bộ phần chênh lệch giữa lãi suất cho vay thông thường và lãi suất cho vay ưu đãi kể từ ngày bắt đầu được áp dụng lãi suất ưu đãi đến ngày bị phát hiện sử dụng vốn sai mục đích.
- Bên Vay trả nợ trước hạn: Trường hợp Bên Vay trả nợ trước hạn, Bên vay thực hiện thu hồi ưu đãi lãi suất theo quy định tại từng chương trình/chính sách cụ thể.

(viii) Sự kiện biến động thị trường: Khi xảy ra biến động thị trường, Bên Cho Vay áp dụng phương thức xác định lãi suất cho vay mới (bao gồn lãi suất cơ sở và biên độ mới) và sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên Vay biết lãi suất cho vay mới trước khi áp dụng. Thông báo này là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng này. Biến động thị trường là khi xảy ra một trang các trường hợp sau:

- Tại Ngày Xác Định Lãi Suất không có giá trị lãi suất cơ sở hoặc giá trị lãi suất cơ sở bằng 0 hoặc âm; hoặc Cơ quan quản lý/cơ quan có thẩm quyền/đại diện của các cơ quan này tuyên báo công khai rằng loại lãi suất cơ sở tại Hợp đồng này không còn tin cậy/không còn mang tính đại diện; hoặc
- Việc sửa đổi/bổ sung/thay thế hoặc đưa ra/thay đổi trong cách diễn giải, thi hành hoặc áp dụng của bất kỳ luật/quy định nào hoặc thay đổi của chính sách tiền tệ, chính sách điều hành lãi suất sau ngày ký Hợp đồng này hoặc các nguyên nhân khác trực tiếp/gián tiếp khiến chi phí huy động vốn thực tế của Bên Cho Vay vượt quá giá trị lãi suất cơ sở đang áp dụng tại Hợp đồng này và/hoặc ảnh hưởng tới khả năng giải ngân vốn cho vay của Bên Cho Vay.

(b) Lãi suất đối với dư nợ gốc bị quá hạn

Trường hợp số dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn theo quy định tại điểm b khoản 3.6 Điều 3 và khoản 8.2 Điều 8 của Hợp Đồng này thì Bên Vay phải trả lãi trên số dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất bằng **150%** lãi suất cho vay trong hạn như thoả thuận tại điểm a khoản 2.1 Điều 2 của Hợp Đồng này tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

(c) Lãi suất chậm trả lãi

Trường hợp Bên Vay không trả đầy đủ và đúng hạn bất kỳ khoản tiền lãi nào theo Hợp Đồng này (bao gồm trường hợp Bên Vay được Bên Cho Vay chấp thuận cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo điểm (a) Điều 3.6 Hợp Đồng này) thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất bằng 10%/năm) tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2.2 Cơ Sở Tính Lãi, Phương Thức Tính Lãi

- Tiền lãi của Khoản Nợ được tính theo lãi suất năm, trên cơ sở một năm có 365 ngày.
- Thời hạn tính lãi được tính từ ngày giải ngân đến hết ngày liền kề trước ngày thanh toán hết khoản vay (tính ngày đầu, bỏ ngày cuối) và thời điểm xác định số dư để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi.
- Số tiền lãi vay trong hạn bằng (=)∑(dư nợ gốc trong hạn thực tế nhân (x) lãi suất cho vay trong hạn nhân (x) số ngày vay thực tế)/365.
- Số tiền lãi đối với dư gốc bị quá hạn bằng (=)∑(dư nợ gốc thực tế bị chuyển nợ quá hạn nhân (x) lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn nhân (x) số ngày quá hạn)/365.
- Số tiền lãi chậm trả lãi bằng (=)∑(số tiền lãi chậm trả nhân (x) lãi suất chậm trả lãi nhân (x) số ngày chậm trả lãi thực tế)/365.

2.3 Phí

Bên Vay sẽ thanh toán cho Bên Cho Vay các loại phí như sau:

(a) Phí trả nợ trước hạn:

- **Trường hợp nguồn tiền trả nợ trước hạn là từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên Vay:** Khi Bên Vay trả nợ trước hạn bất kỳ một Khoản Nợ nào, Bên Vay sẽ phải thanh toán cho Bên Cho Vay một khoản phí trả nợ trước hạn theo quy định của Bên Cho vay trong từng thời kỳ. Tại thời điểm ký Hợp Đồng này, tỷ lệ phí bằng 0% trên số tiền trả nợ trước hạn; Bên Vay phải thanh toán phí cùng việc trả nợ gốc trước hạn;
- **Trường hợp nguồn tiền trả nợ trước hạn không từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên Vay:** Khi Bên Vay trả nợ trước hạn bất kỳ một Khoản Nợ nào, Bên Vay sẽ phải thanh toán cho Bên Cho Vay một khoản phí trả nợ trước hạn bằng tỷ lệ phạt trả nợ trước hạn nhân với số tiền trả nợ trước hạn; Bên Vay phải thanh toán phí cùng việc trả nợ gốc trước hạn;

Phí trả nợ trước hạn = Tỷ lệ phí trả nợ trước hạn (%) x Số tiền gốc trả nợ trước hạn

Thời điểm trả nợ	Tỷ lệ phạt trả nợ trước hạn
Thời hạn vay đã qua < 1/3 thời hạn tài khoản vay	5,0%
1/3 Thời hạn tài khoản vay ≤ Thời hạn vay đã qua <2/3 Thời hạn tài khoản vay	3,0%
Thời hạn tài khoản vay đã qua ≥ 2/3 Thời hạn tài khoản vay	2,0%

Trong đó:

- Thời hạn tài khoản vay = Ngày đáo hạn cuối cùng theo hợp đồng – Ngày giải ngân đầu tiên.
- Thời hạn vay đã qua = Ngày trả nợ – Ngày giải ngân đầu tiên

(b) Phí cam kết rút vốn:

Phí cam kết rút vốn = (Số tiền tính phí x Số ngày tính phí x Tỷ lệ phí)/365

Số tiền tính phí: Hạn mức cho vay trong thời gian duy trì hạn mức

Số ngày tính phí: Số ngày từ thời thời điểm Hợp đồng cho vay có hiệu lực tới ngày giải ngân đầu tiên của Hợp đồng cho vay tương ứng.

Tỷ lệ phí: Theo biểu phí từng thời kỳ của Bên Cho Vay. Tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng, mức phí đang áp dụng là 0% đối với cho vay VNĐ; và

(c) Phí vi phạm cam kết rút vốn:

Phạt vi phạm cam kết rút vốn = Số tiền tính phạt * Tỷ lệ phạt

Số tiền tính phạt: Chênh lệch dương giữa số tiền khách hàng cam kết rút vốn tối thiểu với tổng doanh số khách hàng đã thực hiện rút vốn tính tới ngày cuối cùng của thời gian duy trì hạn mức.

Tỷ lệ phạt: Theo biểu phí từng thời kỳ của Bên Cho Vay. Tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng, mức phí đang áp dụng là 0% đối với cho vay VNĐ; và

(d) Các loại phí khác theo quy định của NHCTVN tại từng thời điểm và phù hợp với pháp luật.

3 - Thanh toán nợ lãi, gốc và phí

3.1 Thanh Toán Lãi

(a) Lãi vay trong hạn sẽ được trả định kỳ một (01) tháng một lần vào ngày mười (10) hàng tháng. Ngày thanh toán lãi cuối cùng của mỗi Khoản Nợ là ngày thanh toán hết Khoản Nợ đó. Trường hợp ngày mười (10) hàng tháng không phải là Ngày Làm Việc thì Bên Vay được quyền thanh toán vào Ngày Làm Việc liền kề sau đó ("**Ngày Thanh Toán Lãi**").

Ngày Làm Việc được hiểu là bất kỳ ngày nào trừ: (i) ngày thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ tại Việt Nam; (ii) bất kỳ ngày nào mà vào ngày đó các ngân hàng tại Việt Nam được phép giao dịch hoặc được phép không giao dịch theo quy định của các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

(b) Bên Vay có nghĩa vụ thanh toán lãi đối với dư nợ gốc bị quá hạn, lãi chậm trả lãi (nếu có) và Bên Cho Vay có quyền thu lãi đối với dư nợ gốc bị quá hạn, lãi chậm trả lãi (i) ngay khi phát sinh và/hoặc (ii) theo thông báo của Bên Cho Vay và/hoặc (iii) vào Ngày Thanh Toán Lãi nêu tại điểm a khoản 3.1 Điều 3 của Hợp Đồng này.

3.2 Thanh Toán Nợ Gốc

(a) Bên Vay đồng ý thanh toán Khoản Nợ vào ngày trả nợ được ghi trên Giấy Nhận Nợ hoặc thời điểm khác theo sự thoả thuận bằng văn bản giữa Các Bên hoặc theo thông báo lịch trả nợ do Bên Cho Vay gửi Bên Vay.

Trường hợp ngày thanh toán nợ gốc không phải là Ngày Làm Việc thì Bên Vay được quyền thanh toán vào Ngày Làm Việc liền kề sau đó.

(b) Bên Vay được quyền trả một phần hoặc toàn bộ Khoản Nợ trước hạn với điều kiện phải thanh toán các khoản phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo quy định của Bên Cho Vay.

3.3 Thanh Toán Phí

Các khoản phí (nếu có) sẽ được Bên Vay thanh toán cho Bên Cho Vay theo thỏa thuận tại Thông báo này và/hoặc ngay khi phát sinh phí.

3.4 Thứ Tự Ưu Tiên Thanh Toán

(a) Nếu Bên Cho Vay nhận được bất kỳ khoản tiền nào mà không đủ để thanh toán mọi nghĩa vụ đến hạn thì Bên Cho Vay có quyền sử dụng khoản tiền đó để thanh toán các nghĩa vụ theo thứ tự sau: (i) phí (nếu có); (ii) lãi vay đến hạn; và (iii) các khoản nợ gốc đến hạn.

(b) Trường hợp Khoản Nợ bị quá hạn trả nợ thứ tự ưu tiên thanh toán thực hiện theo quy định của pháp luật.

3.5 Đồng Tiền Sử Dụng

Đồng tiền sử dụng để trả nợ theo Hợp Đồng Cho Vay tương ứng với đồng tiền Bên Vay nhận nợ của Khoản Nợ được ghi trên từng Giấy Nhận Nợ. Trường hợp đồng tiền trả nợ khác với đồng tiền nhận nợ thì Bên Cho Vay được toàn quyền thực hiện việc quy đổi sang đồng tiền nhận nợ theo tỷ giá do Bên Cho Vay xác định tại thời điểm quy đổi và Bên Cho Vay được quyền thu các loại phí liên quan khi thực hiện quy đổi tiền tệ theo quy định của Bên Cho Vay mà không cần phải có thêm bất cứ một hợp đồng/thỏa thuận mua bán ngoại tệ nào giữa Các Bên.

Trân trọng thông báo!

ĐẠI DIỆN BÊN CHO VAY

Họ tên: Ông Đỗ Văn Thọ
Chức vụ: Phó Giám Đốc CN

XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG

Chúng tôi/tôi xác nhận:

1. Đã được NHCTVN cung cấp đầy đủ các thông tin về khoản vay (Lãi suất cho vay; nguyên tắc và các yếu tố xác định, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; phương pháp tính lãi tiền vay; phương thức trả nợ; các loại phí và mức phí...và các thông tin khác liên quan đến các Khoản Vay).
2. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của NHCTVN và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước NHCTVN về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin, tài liệu gửi cho NHCTVN.
3. Đồng ý cho NHCTVN được toàn quyền xử lý dữ liệu mà Chúng tôi/tôi cung cấp theo quy định của pháp luật cho các mục đích phục vụ giao kết, thực hiện Hợp đồng cho vay.
4. Đã đọc, hiểu rõ các điều kiện, điều khoản cơ bản của Hợp đồng cho vay và đồng ý, chấp thuận giao kết Hợp đồng cho vay với các điều kiện, điều khoản này.

Đại diện Bên Vay ký và ghi rõ họ tên

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM

Họ tên: Trần Thị Thơm
Chức vụ:

BM01/GĐN-GHTD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp HCM , ngày ... tháng 07 năm 2025

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIỚI HẠN TÍN DỤNG VÀ CẤP KHOẢN TÍN DỤNG

***Kính gửi*: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-Chi nhánh Tây Sài Gòn**

1. KHÁCH HÀNG VAY VỐN:

- Tên KH: **CÔNG TY TNHH MTV TM VÀ DV NGỌC THƠM**
- Loại hình công ty: ☐ Cty TNHH Nhà Nước 1 thành viên ☐ Cty cổ phần ☐ HTX ☒ Cty TNHH ☐ DNTN ☐ Khác, cụ thể: /
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 12/14/18 Đường số 49, KP7, Phường Hiệp Bình Chánh, TP.Thủ Đức, TP.HCM, Việt Nam
- Đăng ký kinh doanh số 0309391503 do Sở KH&ĐT Tp.HCM cấp ngày 25/09/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 09/11/2021
- Người đại diện pháp luật: **Bà Trần Thị Thơm** Chức vụ: Giám đốc

2 CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN (nếu có)

2.1 Cá nhân sở hữu tối thiểu 25% vốn điều lệ của Khách hàng: ☐ Không ☒ Có, cụ thể:

ĐVT: triệu đồng, tỷ lệ %

TT	Tên Thành viên	Vốn góp	Tỷ lệ
1	**Trần Thị Thơm**	**20.000**	**100%**
Tổng cộng		**20.000**	100%

2.2 Khách hàng sở hữu tối thiểu 50% vốn điều lệ của Tổ chức khác: ☒ Không ☐ Có, cụ thể: /

- Tên Tổ chức: /
- Số ĐKKD: /
- Địa chỉ: /
- Ngành nghề: /

2.3 Đại diện của khách hàng giữ vị trí Chủ tịch HĐQT/ HĐTV, Tổng giám đốc (giám đốc), Trưởng Ban kiểm soát của Tổ chức khác ☒ Không ☐ Có, cụ thể: /

- Tên Tổ chức: /
- Số ĐKKD: /
- Địa chỉ: /
- Ngành nghề: /

2.4 Tập đoàn/ Tổng công ty / ☐ Công ty mẹ ☐ Thành viên

3 ĐỀ NGHỊ CẤP GIỚI HẠN TÍN DỤNG

- Giới hạn tín dụng (GHTD): **17,000 triệu đồng**

TT	Chi tiết	GHTD đề nghị	Ghi chú
1	GHTD ngắn hạn	**17,000 triệu đồng**	
1.1	GH cho vay ngắn hạn	17,000 triệu đồng	
1.2	GH bảo lãnh	17,000 triệu đồng	
1.3	GH mở L/C	17,000 triệu đồng	
1.4	Hạn mức thẻ TDQT	-	
2	GHTD trung dài hạn	-/- triệu đồng	

		3	Tổng GHTD	17,000 triệu đồng	

– Thời gian duy trì GHTD: 12 tháng kể từ ngày GHTD được cấp

4 VAY VỐN NGẮN HẠN

– Tổng nhu cầu vốn lưu động: 178,000 triệu đồng
  + Tổng chi phí hoạt động (ngoài khấu hao, lãi vay) dự kiến 12 tháng: 178,000 triệu đồng
  + Vòng quay vốn lưu động dự kiến: 2.0 vòng/năm
  + Nhu cầu vốn lưu động dự kiến: 89,000 triệu đồng
  + Dự kiến nguồn vốn thực hiện:
    ☒ Vốn tự có: 56,000 triệu đồng
    ☒ Vay Vietinbank Tây Sài Gòn: 17,000 triệu đồng
    ☒ Vốn khác: 16,000 triệu đồng
– Nhu cầu vay vốn ngắn hạn:
  + Hạn mức tín dụng: 17,000 triệu đồng
  + Mục đích vay vốn: Thanh toán chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (Có bao gồm cho vay tái tài trợ các chi phí VLD đã được TCTD khác cho vay)
  + Phương thức vay vốn
    ☒ Từng lần ☒ Hạn mức
  + Thời gian vay tối đa trên GNN: 06 tháng
  + Các nội dung khác: Theo quy định NHCT Chi nhánh Tây Sài Gòn

5 NHU CẦU MỞ LC NHẬP KHẨU

– Thực tế, hơn 80% sản phẩm của công ty là từ nhập khẩu, phương thức thanh toán khá linh hoạt có bao gồm cả TT, LC,….Ở giai đoạn room tín dụng hạn chế như hiện nay, công ty có xu hướng thuyết phục bên bán chọn LC để có thể chuyển sang Upas nếu gặp áp lực room

– Bên cạnh đó, việc mua bán trong nước tùy hoàn cảnh thực tế, công ty đôi khi phải thực hiện chuyển đổi sang LC nội địa nhằm tránh trường hợp không có room tín dụng

– Do vậy, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công ty trong hoạt động kinh doanh, thì chúng tôi đề xuất cấp GH bảo lãnh của công ty là 17,000 triệu đồng

6 NHU CẦU BẢO LÃNH

– Trong thực tế hoạt động kinh doanh công ty đa phần sử dụng bảo lãnh như bảo lãnh đấu thầu cho các bệnh viện và/ hoặc các bảo lãnh có liên quan như bảo hành, tạm ứng tiền

– Do vậy, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công ty trong hoạt động kinh doanh, thì chúng tôi đề xuất cấp GH bảo lãnh của công ty là 17,000 triệu đồng

7 VAY VỐN TRUNG DÀI HẠN

– Số tiền cho vay tối đa: -/-

– Mục đích: -/-

– Thời gian giải ngân: -/-

– Thời gian cho vay, ân hạn: -/-
  + Thời hạn cho vay …. tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
  + Ân hạn gốc: …. tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
  + Thời gian thu nợ: …. tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn

– Biện pháp bảo đảm: Tài sản dự kiến hình thành từ dự án và/hoặc tài sản khác đủ điều kiện nhận theo quy định. Được phép thế chấp tài sản theo tiến độ đầu tư dự án.

8 BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM

	Đề nghị cấp GHTD, vay vốn với biện pháp bảo đảm là: ☐ Có bảo đảm 100% bằng tài sản ☐ Bảo đảm một phần bằng tài sản Tài sản bảo đảm là Bất động sản tại Căn hộ chung cư số L4-40.01. Tòa nhà Landmark 4, Khu phức hợp Tân Cảng Sài Gòn (Vinhomes Central Park) số 720A Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP.HCM theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 934105, số vào sổ cấp GCN: CS60047/DA ngày 13/05/2021 do Sở TN&MT TP.HCM cấp Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ: 207/25/3 Phạm Văn Hai, Phường 05, Quận Tân Bình, Tp. HCM theo Giấy chứng nhận số BL 774243 do Ủy Ban Nhân Dân Quận Tân Bình cấp ngày 30/05/2013 Và/hoặc các tài sản khác
9	**HỒ SƠ KÈM THEO**
	– Báo cáo tài chính 2024 – Phương án kinh doanh, vay vốn 12 tháng – Tờ khai VAT 2024 – Và các giấy tờ khác.
10	**CAM KẾT VÀ XÁC NHẬN**
	i) Những nội dung trên đây hoàn toàn đúng sự thật; ii) Cam kết Dòng tiền từ các hợp đồng đầu ra của công ty có sử dụng vốn vay của NHCT phải được chuyển về NHCT; và tỷ lệ doanh số chuyển tiền của công ty vào tài khoản tiền gửi thanh toán tại NHCT tương ứng với tỷ lệ vay vốn của công ty tại NHCT. iii) Chấp hành mọi quy định của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam liên quan đến việc sử dụng GHTD và bảo đảm tiền vay.

KHÁCH HÀNG ĐỀ NGHỊ

CÔNG TY TNHH MTV TM VÀ DV NGỌC THƠM

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM

Trần Thị Thơm